



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

NADYPHAR

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016

Địa chỉ: Số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM

Số điện thoại: 08.38 687 347 – 08.38 688 474

Số fax: 08.38 687 351

Website: www.nadyphar.com.vn

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CÔNG TY THÔNG TIN CHUNG		02
	Quá trình hình thành và phát triển	03
	Ngành nghề và địa bán kinh doanh	05
	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	09
	Định hướng phát triển	16
	Các yếu tố rủi ro	19
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM		21
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
	Tổ chức và nhân sự	24
	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	31
	Tình hình tài chính	32
	Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu	34
	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	35
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC		38
	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	39
	Tình hình tài chính	41
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	45
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	45
	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	48
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY		50
	Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	51
	Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty	52
	Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị	53
QUẢN TRỊ CÔNG TY		56
	Giới thiệu Hội đồng quản trị	57
	Giới thiệu Ban kiểm soát	66
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	70
BÁO CÁO TÀI CHÍNH		72
	Ý kiến kiểm toán	72
	Báo cáo tài chính được kiểm toán	74

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

MÃ CỔ PHIẾU: NDP

Tên Công ty: Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh

Tên tiếng anh: National Day Pharmaceutical Joint Stock Company of Ho Chi Minh City

Tên viết tắt: NADYPHAR

Vốn điều lệ: 55.500.000.000 đồng.

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 08.38 687 347 – 08.38 688 474

Số fax: 08.38 687 351

Website: nadyphar.com.vn



THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Định hướng phát triển.

Các yếu tố rủi ro.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1976

Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.HCM (Nadyphar) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 trên cơ sở sáp nhập bảy viện Bảo chế tư nhân cũ trước 30/04/1975 tại Sài Gòn.



1977

Ngày 02/08/1977, Ủy ban Nhân dân Thành phố ra quyết định số 437/QĐUB thành lập công nhận Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 trực thuộc Sở Y tế TP.HCM là Doanh nghiệp nhà nước và là đơn vị kinh tế cơ sở có tư cách pháp nhân và hạch toán kinh tế độc lập.

2015

Năm 2015, cổ phiếu của Công ty với mã cổ phiếu NDP đã chính thức được đăng ký giao dịch tại thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.





18 tỷ đồng



55,5 tỷ đồng

2001

2006

2007 - 2016

Ngày 15/06/2001, Theo quyết định số 736/QĐ-TTg Công ty đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần

Ngày 10/09/2001, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000594. Từ tháng 10/2001 Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi "Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh", vốn điều lệ ban đầu là 18 tỷ đồng trong đó phần vốn nhà nước tại Công ty chiếm 29%, còn lại là phần vốn góp của Cán bộ Công nhân viên trong Công ty và các cổ đông ngoài Công ty.

Ngày 17/01/2006, Được cấp lại giấy chứng nhận ĐKKD lần 2 (4103000594) có bổ sung hạng mục kinh doanh: đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Nhà máy sản xuất được phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GLP, GSP.

Công ty được ban quản lý khu chế xuất và công nghiệp TPHCM công nhận là DN tiêu biểu khu CN TPHCM 2016 và đã được cấp giấy chứng nhận ĐKKD 14 lần với nội dung tăng vốn điều lệ lên 55,5 tỷ đồng và bổ sung thêm chức năng SXKD thực phẩm chức năng và các ngành nghề khác.

Các giải thưởng của Công ty



Huân chương Lao động
Thứ 2, NL, BA

CUP VÀNG
THƯƠNG HIỆU AN TOÀN
VỊ DƯỢC KHỎE CỘNG ĐỒNG

CUP VÀNG
THƯƠNG HIỆU VIỆT
UY TÍN CHẤT LƯỢNG

CUP THƯƠNG HIỆU MỸ
VIỆT NAM 2005-2006

GIẢI THƯỞNG NGƯỜI SÁNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

CHÌA KHÓA VÀNG
THƯƠNG HIỆU VIỆT
YÊU THÍCH

HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BINH CHỌN
TỪ 1995-2007

THƯƠNG HIỆU
NỔI TIẾNG
2006



NGÀNH NGHỀ

VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất dược phẩm (không sản xuất tại trụ sở)	2100
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng, Đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Cho thuê kho, văn phòng.	6810
3	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng (không hoạt động tại trụ sở)	1079
4	Buôn bán thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632

Địa bàn kinh doanh

Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Tây, các tỉnh miền Trung, các tỉnh miền Bắc, các tỉnh Đông Nam bộ, Campuchia và Myanmar...

Các sản phẩm chính của Công ty

Giảm đau – Hạ sốt – Kháng viêm



Thuốc bổ – Vitamin – Khoáng chất



Unit Cost: 0.9814

Thần kinh



Hô hấp – Kháng dị ứng





Tiêu hóa – Đường ruột



Kháng sinh



Nguồn gốc thảo dược



Dùng ngoài



Thực phẩm chức năng



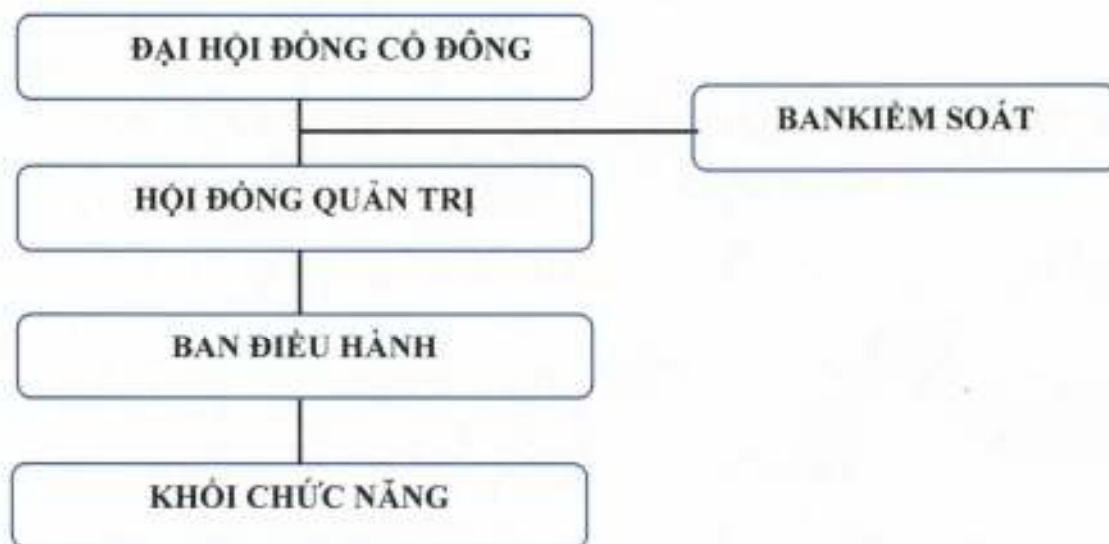
Nước lau sàn





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị



Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 05 năm.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài

chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 05 năm.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và 02 phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Các Giám đốc chức năng

Công ty có 03 Giám đốc chức năng là Giám đốc chất lượng, Giám đốc kinh doanh và Giám đốc Nhân sự chịu trách nhiệm điều hành và triển khai các chiến lược theo chức năng quản lý, hỗ trợ đắc lực cho Ban Tổng Giám đốc, đồng thời chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

Các phòng chức năng và Phân xưởng sản xuất

Công ty hiện có 10 phòng chức năng (theo sơ đồ tổ chức, quản lý) và 2 dây chuyền sản xuất.

Dây chuyền sản xuất thuốc viên-cốm-bột Non-Betalactam: viên nén, viên nang, viên bao đường, viên bao phim, thuốc bột, thuốc cốm (dây chuyền 1); Dây chuyền sản xuất thuốc nước (Dược liệu - Tân dược) Non-Betalactam: thuốc nước, thuốc ống uống, sirô (dây chuyền 2); Dây chuyền sản xuất thuốc dùng ngoài: thuốc mỡ, kem, dầu xoa, cao xoa, thuốc bột dùng ngoài. Các Xưởng sản xuất chịu trách nhiệm sản xuất theo đúng các tiêu chuẩn WHO - GMP - GLP - GSP và cung cấp đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh.

Phòng Hành chính Nhân sự

- Nghiên cứu và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc thiết lập mô hình, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Công ty; Các khả năng áp dụng những chính sách, chế độ của Nhà nước có liên quan đến đối tượng và tổ chức lao động trong Công ty.
- Dựa trên mô hình tổ chức bộ máy, xây dựng và ban hành các nội dung về định chế pháp lý hành chính, các vấn đề liên quan đến thu nhập của người lao động, kế hoạch về nhân sự, quản trị nguồn nhân lực nhằm đảm bảo sự vận hành có hiệu quả của bộ máy.
- Tổ chức và quản lý các hoạt động thông tin liên lạc, các thông tin theo yêu cầu của Ban Lãnh đạo, những hoạt động phục vụ công tác hành chính của Công ty.
- Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc thực hiện công bố thông tin & tham mưu cho Lãnh đạo Công ty chủ động công bố thông tin trong những trường hợp cần thiết.
- Tổ chức thực hiện các báo cáo tổng hợp theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám đốc.
- Quản lý các lĩnh vực về công nghệ thông tin bao gồm: Phần cứng, phần mềm, mạng máy tính và website của Công ty.
- Tổ chức thực hiện và quản lý công tác liên quan đến bảo vệ tài sản, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, an toàn - vệ sinh lao động, quan hệ địa phương, vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây cảnh, an toàn vệ sinh thực phẩm tại khu vực trụ sở chính và nhà máy.

- Nghiên cứu và tham mưu cho Ban TGD trong việc tổ chức lao động và quản lý nguồn lao động một cách có hiệu quả.
- Xây dựng nội quy lao động, thoả ước lao động tập thể.
- Quản lý & tổ chức thực hiện các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự trong Công ty, bảo vệ tài sản của Công ty.
- Tổ chức thực hiện & Quản lý công tác thi đua khen thưởng – kỉ luật trong Công ty; Công tác khen thưởng của Công ty đối với cấp trên và các cơ quan đoàn thể hữu quan.
- Tổ chức thực hiện và Quản lý công tác liên quan đến môi trường lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, PCCC & các dịch vụ hỗ trợ tại Công ty.
- Tổ chức thực hiện & quản lý hồ sơ sức khoẻ của người lao động trong Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện ngày giờ công lao động nhằm đảm bảo việc chấp hành nội quy lao động và các chế độ liên quan đến lao động tiền lương.

Phòng Tài chính Kế toán

- Thu nhận và cung cấp các thông tin dưới đây, nhằm giúp cho Lãnh đạo Công ty đánh giá được kết quả hoạt động kinh tế và các biện pháp quản lý đang thực hiện; Quản lý được chặt chẽ tài sản, ngăn ngừa kịp thời mọi hành vi gây tổn hại đến tài sản của Công ty và kiểm tra được việc thực hiện các nguyên tắc hạch toán kinh doanh trong Công ty. Các thông tin đó bao gồm :
 - Thông tin về toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của Công ty.
 - Thông tin về số hiện có và tình hình luân chuyển của từng loại tài sản thuộc Công ty.
 - Thông tin về các nội dung văn bản pháp lý Nhà nước, có liên quan đến công tác kế toán, tài chính doanh nghiệp.
- Thực hiện kiểm tra nội bộ và cung cấp tài liệu, phục vụ cho việc kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền đối với hoạt động kinh tế, tài chính ở Công ty.
- Tham mưu và xây dựng các kế hoạch, các phương án về tài chính để tạo nguồn vốn đồng thời thực hiện việc cân đối, bảo toàn nguồn vốn, nhằm duy trì và phát triển hoạt động kinh tế của Công ty.
- Tổ chức hạch toán, làm các báo cáo gửi cơ quan nhà nước.
- Tuân thủ pháp luật về kế toán và các nghĩa vụ với nhà nước về thuế.

Trung tâm phân phối Dược phẩm

- Tham mưu cho TGD trong việc xây dựng các chiến lược/ chiến thuật/ chính sách liên quan đến kinh doanh – tiếp thị, cụ thể như:
 - Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách giá cả.
 - Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách bán hàng, khuyến mãi... và chăm sóc khách hàng.
 - Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách sản phẩm.
 - Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách phát triển hệ thống phân phối.
 - Chiến lược/ chiến thuật/ chính sách xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu.

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện các chủ trương đã được phê duyệt nêu trên tại các phụ trách vùng và báo cáo định kỳ theo quy định hoặc theo yêu cầu của Tổng giám đốc.
- Phụ trách khai thác khách hàng mới .

Phòng Kinh doanh

- Lập kế hoạch vận chuyển lưu thông phân phối sản phẩm theo tiêu chuẩn GDP.
- Tổ chức quản lý và bảo quản thành phẩm theo qui định GSP.
- Giám sát việc bán hàng của khách hàng cũ .
- Thực hiện kế hoạch bán hàng của công ty.
- Quản lý và giám sát thực hiện chi phí bán hàng của Công ty.
- Giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình hỗ trợ bán hàng như: chiết khấu thanh toán, khuyến thưởng, khuyến mãi, khách hàng thân thiết, xỏ số may mắn...
- Phối hợp với các phòng ban chức năng trong việc trang bị thiết bị tài sản đầu tư của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

Phòng Kế hoạch – Cung ứng

- Nghiên cứu và xây dựng các kế hoạch định hướng của Công ty theo các thời hạn định kỳ gồm:
 - Kế hoạch sản xuất sản phẩm thu mua, dự trữ và nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ cho kế hoạch sản xuất.
 - Kế hoạch gia công, cung ứng vật tư, thiết bị.
- Tổ chức công tác quản lý và bảo quản các nguyên phụ liệu theo các yêu cầu của GMP – GSP.
- Tổ chức công tác nhập, xuất nguyên phụ liệu, thiết bị theo yêu cầu của các phòng ban đã được phê duyệt.

Phòng Đảm bảo Chất lượng (QA)

- Thiết lập và quản lý hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với thực trạng sản xuất của Công ty đồng thời đạt yêu cầu GPs hiện hành.
- Tổ chức và hướng dẫn thực hiện tốt hoạt động đảm bảo chất lượng trên toàn hệ thống đã được xác lập.
- Bảo đảm mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty được đưa ra thị trường phù hợp với các yêu cầu về mặt chất lượng.
- Thực hiện công tác huấn luyện, đào tạo kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng của hệ thống.

Phòng Kiểm tra chất lượng (QC)

- Tổ chức thực hiện toàn bộ những hoạt động chuyên môn có liên quan đến công tác kiểm nghiệm từ các quá trình sản xuất, dựa trên tiêu chuẩn đã ban hành của các cấp.
- Quản lý toàn bộ các tiến trình hoạt động, các kết quả và những cơ sở vật chất phục vụ cho việc thực hiện chuyên môn (tài liệu, thiết bị, hóa chất thử nghiệm, . . .).

- Hỗ trợ cho phòng Nghiên cứu Phát triển trong việc xây dựng mới hoặc bổ sung tiêu chuẩn cho các loại nguyên phụ liệu, bán thành phẩm và thành phẩm đã, đang và sắp sản xuất trong các quy trình công nghệ thuộc Công ty.

Phòng Nghiên cứu Phát triển (R&D)

- Tổ chức nghiên cứu mặt hàng mới, cải tiến các quy trình công nghệ, xây dựng các quy trình sản xuất theo yêu cầu của Công ty.
- Nghiên cứu áp dụng tiêu chuẩn dược điển. Xây dựng mới hoặc bổ sung soát xét tiêu chuẩn cho các loại nguyên phụ liệu, bán thành phẩm và thành phẩm đã, đang và sắp sản xuất trong các quy trình công nghệ thuộc Công ty.
- Tổ chức nghiên cứu để tham mưu cho Công ty các định hướng sau:
 - Chiến lược về phát triển công nghệ sản xuất.
 - Chiến lược về sản phẩm.
 - Quy hoạch và đầu tư phát triển.
 - Bố trí, sắp xếp các dây chuyền sản xuất.
- Thực hiện đăng ký các thủ tục pháp lý về sản xuất và quyền sở hữu công nghiệp.

Phòng Cơ điện

- Nghiên cứu và tham vấn với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc lựa chọn thiết bị, máy móc khi phát sinh các yêu cầu bố trí lắp đặt sử dụng hoặc đầu tư về công nghệ của Công ty.
- Khảo sát và trực tiếp xây dựng thực hiện các phương án, các giải pháp xử lý về kỹ thuật đối với các vấn đề liên quan đến thiết bị và công nghệ của Công ty.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện trực tiếp kế hoạch bảo trì, sửa chữa hệ thống nhà xưởng và thiết bị trong toàn Công ty.
- Thực hiện hoặc tham gia thực hiện đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho công nhân theo chương trình chung của Công ty.

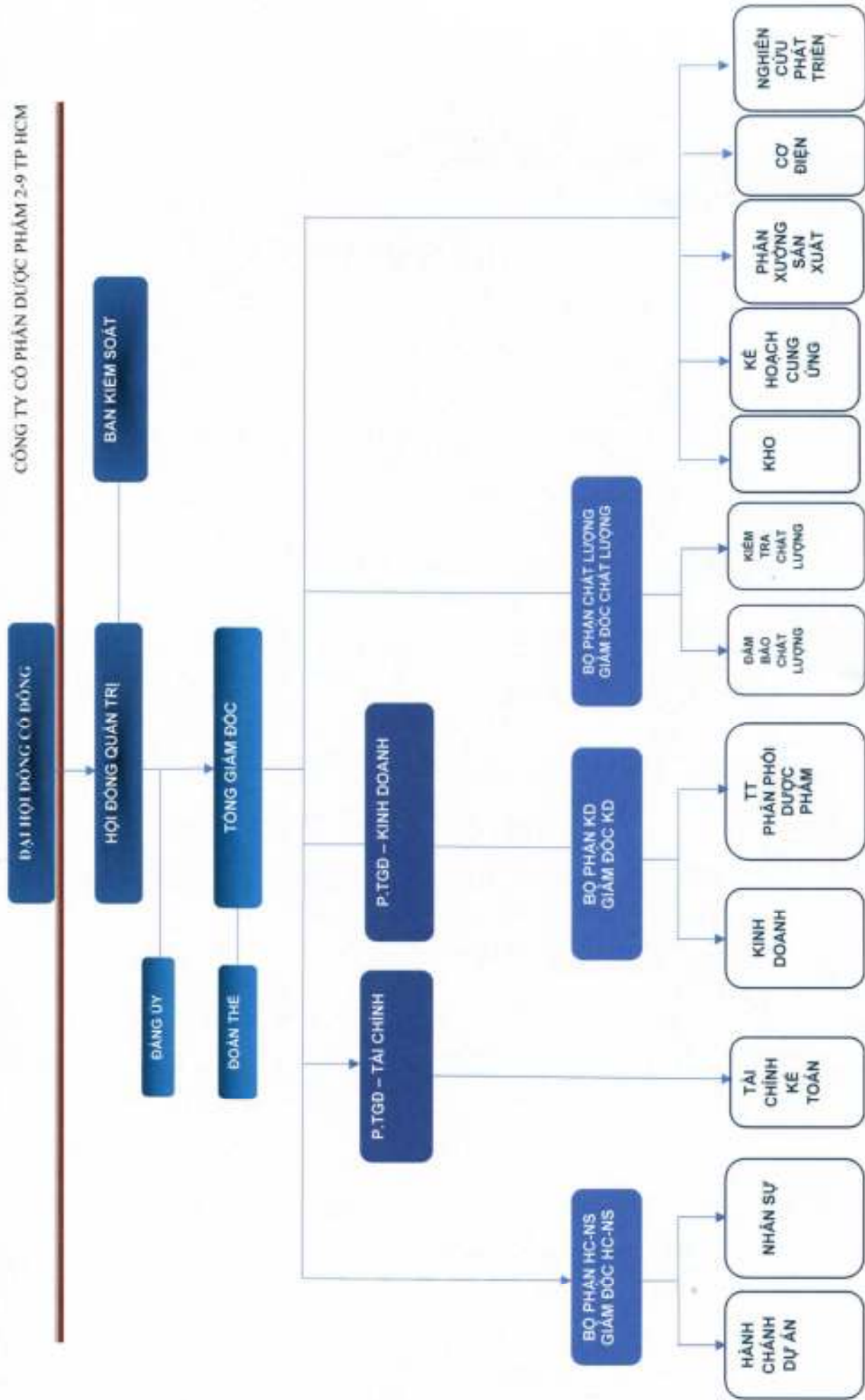
Phòng Xưởng Sản xuất

- Tổ chức hoạt động sản xuất trực tiếp trên các dây chuyền công nghệ cùng với sự đảm bảo đúng các yêu cầu, các điều kiện về kỹ thuật, chất lượng; về hiệu quả, tiến bộ; về an toàn trong sản xuất theo tiêu chuẩn GMP – WHO.
- Quản lý và sử dụng trực tiếp công nghệ thiết bị; các phương tiện và dụng cụ một cách có hiệu quả đối với hoạt động sản xuất.
- Quản lý và trực tiếp tổ chức phân công, điều phối các lực lượng lao động đang làm việc tại xưởng.

Các đơn vị thuộc hệ thống bán hàng trực thuộc Công ty

Hệ thống bán hàng của Dược 2-9 chủ yếu tập trung tại : TP. HCM, Miền Trung, Miền Tây, Miền Bắc, Miền Đông.

Ngoài ra, NADYPHAR còn phát triển mạnh cả hệ thống phân phối lẻ tại các bệnh viện, kết hợp với việc điều trị của các bác sĩ nhằm phát huy tối đa việc đưa thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc trực tiếp đến người bệnh.





ĐỊNH HƯỚNG

PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



Công ty đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển và bảo vệ thương hiệu NADYPHAR, coi đây là chiến lược trọng tâm, góp phần cho quá trình củng cố, tăng cường kinh doanh và định vị thương hiệu NADYPHAR trong nhận thức khách hàng trong nước và khu vực, sẵn sàng đương đầu với các cạnh tranh. - Chiến lược phát triển trung và dài hạn



Công bằng, minh bạch, hài hòa giữa quyền lợi cổ đông và quyền lợi người lao động trong khuôn khổ tôn trọng pháp luật

Sử dụng vốn có hiệu quả và bảo toàn vốn, lấy lợi nhuận hợp pháp làm nền tảng cho mọi thu nhập của Công ty



Xem việc sản xuất dược phẩm làm nền tảng phát triển chính của Công ty và chất lượng sản phẩm đặt lên hàng đầu



Đầu tư hiệu quả các lĩnh vực khác

Từng bước mở rộng ngành nghề kinh doanh, phát triển mạng lưới và chi nhánh bán hàng, đồng thời củng cố đẩy mạnh phát triển thị trường, áp dụng linh hoạt các chính sách về giá cả, chi phí hoa hồng, chiết khấu, tiếp thị, cùng với các chính sách khen thưởng cho các mức độ cống hiến phù hợp để tạo động lực phát huy hiệu quả trong SXKD



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nhiệm vụ chiến lược của Công ty là xây dựng Công ty trở thành một trong những Công ty Dược của Việt Nam phát triển vững mạnh toàn diện trong lĩnh vực SXKD Dược phẩm, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận từ 10% /năm trở lên. Công ty tiếp tục ổn định và mở rộng quy mô sản xuất, thăm dò thị trường, tìm kiếm đối tác để hợp tác và gia công sản phẩm góp phần làm tăng hiệu quả của Công ty.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh để tăng thêm thị trường tiêu thụ, tăng cường việc đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao, đẩy mạnh sản xuất thực phẩm chức năng tại Nhà máy Q2 để đa dạng hóa sản phẩm.
- Tập trung khai thác các mặt bằng hiện có một cách hiệu quả thông qua việc hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng, kho bãi.

Một số chiến lược cụ thể cho định hướng phát triển của Công ty cụ thể trong các hoạt động sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Nâng cao năng lực SXKD, định hướng cho việc xuất khẩu dược phẩm, kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật.
- Kiểm soát chi phí chặt chẽ, sử dụng vốn có hiệu quả cao nhất để đầu tư máy móc thiết bị, ứng dụng các công nghệ tiên tiến để tăng năng suất lao động cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và khắt khe của thị trường trong, ngoài nước.
- Mở rộng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm, đa dạng hoá thị trường. Đẩy mạnh tham gia đấu thầu cung cấp thuốc cho khối điều trị tại các bệnh viện và các chương trình quốc gia.
- Tăng cường công tác sản xuất gia công dược phẩm, thực phẩm chức năng.
- Xây dựng các chương trình quảng cáo đồng bộ, có hiệu quả, khuyến mãi và xây dựng giá cả phù hợp đến tay người tiêu dùng, nhiều năm qua tham gia thực hiện chương trình bình ổn giá của Sở Y Tế TP.Hồ Chí Minh.
- Nghiên cứu mặt hàng mới có nguồn gốc Dược liệu. Mặt hàng có chất lượng và giá trị điều trị cao, có sức cạnh tranh trên thị trường.
- Từng bước củng cố, tăng cường nghiên cứu sản phẩm là thực phẩm chức năng, nâng cao năng suất của dây chuyền sản xuất thực phẩm chức năng.
- Chuẩn bị các dự toán cho dây chuyền sản xuất thuốc đông dược.

Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu:

- Tăng cường tham gia chương trình bình ổn các mặt hàng dược phẩm thiết yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến người dân, các cơ sở điều trị và các cơ sở bán thuốc.
- Tiếp tục tăng cường tham gia chủ trương "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", "Người Việt dùng thuốc Việt".



- Xây dựng thương hiệu NADYPHAR bền vững, không ngừng mở rộng và giữ vững thị trường truyền thống, mở thêm thị trường mới sang Campuchia và các nước khác.
- Tăng cường việc tiếp thị ở thị trường nội địa, quốc tế thông qua các hình thức tham gia các hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu sản phẩm và khuyến khích thương hiệu trên các kênh thông tin cũng như trên các diễn đàn thiết thực và có hiệu quả.
- Mở rộng quan hệ công chúng, chăm sóc khách hàng chu đáo. Tổ chức Hội nghị khách hàng hàng năm. Tổng kết hoạt động của Gia đình NADYPHAR và tổ chức cho các thành viên tham quan du lịch theo tiêu chuẩn.
- Tham gia các hiệp hội, ngành hàng, các tổ chức chuyên môn, các hội nghề nghiệp để tìm cơ hội hợp tác đầu tư, phát hành Cataloge giới thiệu sản phẩm, đưa thông tin sản phẩm vào các tài liệu khoa học để hướng dẫn, giới thiệu sản phẩm cùng với việc cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm cho giới điều trị và người tiêu dùng.

Hoạt động tài chính:

- Duy trì hệ thống tài chính lành mạnh và ổn định, sử dụng các quỹ tài chính của Công ty đúng mục đích, có hiệu quả và có tái tạo thặng dư bổ sung nguồn vốn phát triển ngày càng nhiều hơn.
- Công tác kế toán luôn tuân thủ Luật Kế Toán, Luật Quản Lý Thuế. Cập nhật thường xuyên và hiệu chỉnh kịp thời các thay đổi chính sách thuế của Nhà nước quy định.
- Thực hiện báo cáo định kỳ cho Cơ Quan Thuế, Chi Cục Thống Kế, ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước.
- Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ, đầu tư có mức chi phí thấp để hỗ trợ bổ sung hiệu quả trong kinh doanh.

Nguồn nhân lực:

- Tăng cường phát triển nguồn nhân lực, chú trọng bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đối với Cán bộ lãnh đạo, Cán bộ quản lý và đội ngũ công nhân viên phù hợp với yêu cầu mới. Xây dựng chính sách trọng dụng nhân tài, thu hút chất xám phục vụ cho nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty.
- Tổ chức các khóa huấn luyện đào tạo cho Cán bộ, công nhân viên về chuyên môn theo sự hỗ trợ các đơn vị cùng ngành liên quan.
- Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề và cán bộ quản lý có năng lực, trình độ đủ đảm đương nhiệm vụ. Trẻ hóa từng bước đội ngũ cán bộ của Công ty, chú trọng tới việc đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa. Có chính sách lương, thưởng hợp lý.
- Nghiêm túc tuân thủ các nội quy, quy định của pháp luật nhà nước như: Luật Doanh nghiệp, Luật lao động 2012, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm,...



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Sau giai đoạn tăng trưởng khá, Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức: xử lý nợ xấu hệ thống ngân hàng, cải thiện hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công do hệ số ICOR thấp,... Tất cả các yếu tố trên đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua các yếu tố: chi phí nguyên vật liệu đầu vào đa phần có xu hướng tăng, lãi vay còn ở mức tương đối cao,... Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp trong ngành dược nói riêng. Tuy nhiên, nhờ dược phẩm là mặt hàng thiết yếu nên hoạt động các doanh nghiệp dược có tính ổn định tương đối cao.

- * Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 2.109 USD/người, tăng 57 USD so với năm 2014. Thu nhập tăng trưởng khá dẫn đến nhu cầu về chăm sóc sức khỏe của người dân tăng cao. Theo nghiên cứu của Ngân hàng thế giới mới đây, chi phí thuốc chiếm tỷ trọng cao trong chi phí chăm sóc sức khỏe, chiếm đến 10,3% chi tiêu ngoài lương thực của mỗi gia đình. Các yếu tố trên tác động tích cực đến sự phát triển của ngành Dược nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Dược, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác. Ngoài ra, Công ty cũng chịu tác động của các chính sách và chiến lược phát triển của ngành. Luật Dược đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/10/2005. Đây là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực dược để ngành Dược Việt Nam được hoạt động trong một môi trường pháp lý hoàn chỉnh và đồng bộ,... Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại và Luật Sở hữu trí tuệ cũng đã được Quốc hội thông qua, được kỳ vọng sẽ tạo môi trường đầu tư - kinh doanh - cạnh tranh thông thoáng, minh bạch, bình đẳng và lành mạnh cho các doanh nghiệp.

Trong giai đoạn hoàn thiện khung pháp lý, các thay đổi của luật và văn bản dưới luật có thể tạo ra rủi ro về luật pháp.

Ngoài ra, hiện nay khi đã gia nhập WTO và sắp tới gia nhập Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), đòi hỏi các doanh nghiệp ngành Dược phải hiểu biết sâu sắc về luật pháp và thông lệ quốc tế. Đối với vấn đề này, Công ty đang tích cực trang bị cho mình những thông tin cần thiết về thị trường, đối thủ và đối tác, nghiên cứu luật pháp quốc tế để thực sự sẵn sàng cùng ngành Dược hội nhập.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ NGUYÊN VẬT LIỆU

Các công ty sản xuất dược phẩm trong nước phải nhập khẩu 90% nguyên vật liệu từ nước ngoài, chủ yếu từ Trung Quốc, Ấn Độ và Singapore. Do quy mô nhập khẩu còn nhỏ nên khả năng thương lượng về giá nhập khẩu nguyên liệu sản xuất của các nhà sản xuất dược phẩm Việt Nam rất thấp. Trong khi đó, giá bán dược phẩm kiểm soát bởi Cục Quản lý Dược Việt Nam. Do vậy, sự biến động về giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các công ty dược nói chung và Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.HCM nói riêng.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro về sự biến động của giá cả nguyên vật liệu, Công ty đã chủ động thương lượng với nhà cung ứng về giá hoặc ký hợp đồng cung ứng với thời gian ấn định trước hoặc cho cả năm để hạn chế tối đa sự biến động giá.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Hiện nay, cả nước có 109 nhà máy sản xuất thuốc tân dược trong tổng số 159 nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP. Đa phần các doanh nghiệp sản xuất tân dược Việt Nam sản xuất các dòng thuốc thông dụng nên mức độ cạnh tranh trong phân khúc này rất cao. Bên cạnh đó, tâm lý chuộng thuốc ngoại của người tiêu dùng cũng góp phần thúc đẩy mức độ cạnh tranh giữa tân dược Việt Nam với hàng ngoại giá rẻ, chất lượng thấp.

Trên cơ sở tăng cường đầu tư, tiếp nhận công nghệ sản xuất các loại thuốc đặc trị thông qua việc sản xuất thuốc nhượng quyền cũng như việc đẩy mạnh phát triển sản xuất nhóm sản phẩm dựa trên nguồn dược liệu phong phú của Việt Nam. Do vậy, Công ty có đủ khả năng để kiểm soát rủi ro này, từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và trở thành một trong những công ty dược hàng đầu tại Việt Nam.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu thiệt hại do các rủi ro bất khả kháng gây ra, Công ty đã ký hợp đồng bảo hiểm tài sản với Công ty Bảo Minh Sài Gòn và Công ty Bảo hiểm PVI TPHCM.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

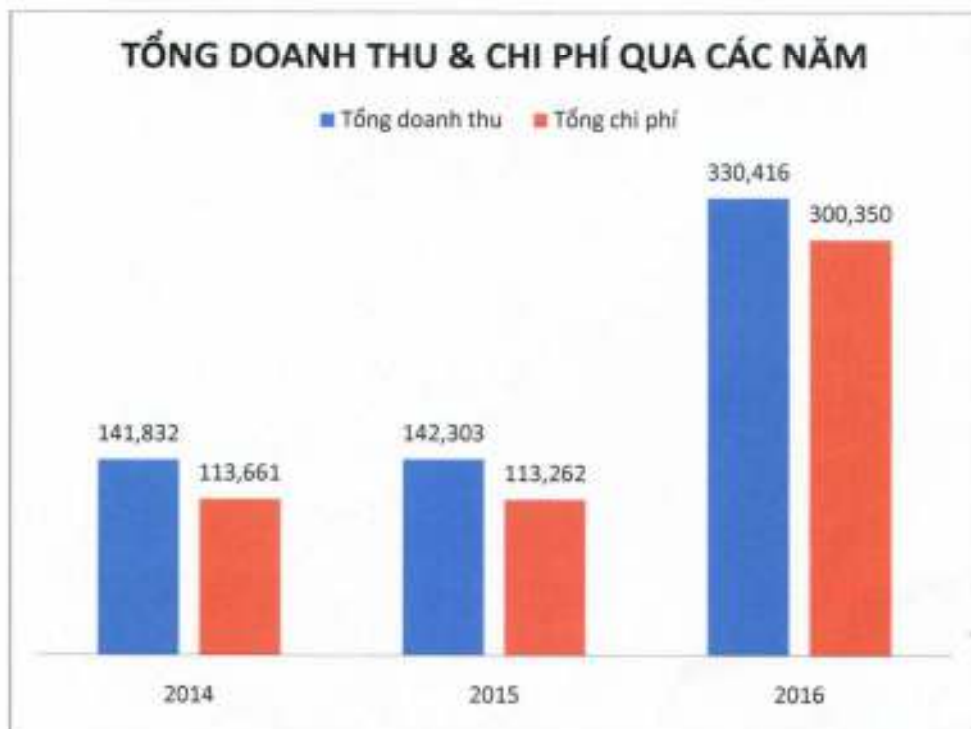


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	%2016/2015
1	Doanh thu thuần	127.451	325.956	255.75%
2	Giá vốn hàng bán	74.943	272.879	364.12%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	10.690	1.648	15.42%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	34.747	24.719	71.14%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.451	30.006	105.47%
6	Thu nhập khác	693	497	71.72%
7	Chi phí khác	104	436	419.23%
8	Lợi nhuận khác	590	60	10.17%
9	Lợi nhuận trước thuế	29.041	30.066	103.53%
10	Lợi nhuận sau thuế	21.714	24.706	113.78%
11	EPS (đồng/cổ phiếu)	2.934	4.229	144.14%

(ĐVT: Triệu đồng)



So với năm 2015 thì năm 2016 đối với ngành Dược mặc dù vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và thách thức bởi sự cạnh tranh quyết liệt giữa thuốc nội và thuốc ngoại diễn ra rất mạnh. Tuy nhiên, Doanh thu thuần năm 2016 đã đạt 325,956 tỉ đồng tăng 155,75% so với năm 2015, nhưng chi phí năm 2016 ở mức xấp xỉ 25 tỉ đồng đã giảm 29,02% so với cùng kì năm trước và đây là một tín hiệu tốt cho thấy công ty đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí và cộng thêm sự hạy bén trong kinh doanh khi mở rộng ngành nghề đã đưa mức lợi nhuận sau thuế đạt lên mức xấp xỉ 24,7 tỉ tăng 13,78% so với năm trước.

Những số liệu trên đã thể hiện sự nỗ lực của Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.HCM trong hoạt động sản xuất, quản lý chi phí cũng như trong quá trình tiếp thị sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, mở rộng ngành nghề kinh doanh..... trong tình hình kinh doanh trong và ngoài nước ngày một khó khăn và mức độ cạnh tranh trong ngành nghề ngày càng gay gắt.

**TỔ CHỨC
VÀ NHÂN SỰ****Danh sách Ban Tổng giám đốc**

Ban điều hành của Công ty cho đến 31/12/2016 bao gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	Tổng Giám đốc	
2	Ông Võ Ngọc Dương	P.Tổng Giám đốc kinh doanh	
3	Bà Trịnh Bích Dung	P.Tổng Giám đốc tài chính	

**1. Tổng Giám Đốc – (Bà) NGUYỄN THỊ CHÂU OANH**

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ CHÂU OANH
- Giới tính : Nữ
- Số CMND : 024333265; ngày cấp: 21/12/2010; tại: CA.TPHCM
- Ngày tháng năm sinh : 01/08/1975
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : TK2/9 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan : 08.38687347
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Dược
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 1/2000 – 6/2002: Nhân viên phòng Kiểm Tra Chất lượng Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2;
 - Từ tháng 6/2002 – 9/2004: Nhân viên phòng Kiểm tra Chất lượng Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2;
 - Từ tháng 10/2004 - 6/2005: Nhân viên nghiên cứu phát triển Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2;
 - Từ tháng 5/2005 - 6/2006: Trưởng phòng ĐBCL – Xây dựng hệ thống chất lượng để xây dựng nhà máy mới đạt GMP Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2;
 - Từ tháng 6/2006 - 6/2008 : GD chất lượng – Quản lý hệ thống chất lượng của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2;
 - Từ tháng 6/2008 - 8/2008: Trợ lý Tổng giám đốc về phát triển kinh doanh Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2;
 - Từ tháng 8/2008 – 8/2015: Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2;
 - Từ tháng 10/2015 -7/2016: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2;
 - Từ tháng 8/2016 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm 2-9 Tp.HCM.



- Chức vụ công tác hiện tại: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm 2-9 Tp.HCM
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu : 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ tại tổ chức khác : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người liên quan: 0

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần
1	VO RICHARD	Chồng	0
2	Võ Châu Bảo Ngọc Nalynn	Con	0

2. Phó Tổng Giám Đốc kinh doanh – Ông. VÕ NGỌC DƯƠNG

- Họ và tên : **VÕ NGỌC DƯƠNG**
- Giới tính : Nam
- Số CMND : 024269082; ngày cấp: 20/08/2015; tại: CA TP.HCM
- Ngày tháng năm sinh : 15/10/1972
- Nơi sinh : Phú Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phú Yên
- Địa chỉ thường trú : TK44/11 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan : 08.38687347
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại học
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1997 - 2000 : Giám sát Trình dược viên kiêm Trưởng bộ phận đầu thầu



- Công ty xuất nhập khẩu Vimedimex II ;
- Từ năm 2001 - 2007 : Giám đốc kinh doanh khu vực Trung và Nam bộ kiêm Giám đốc đầu thầu toàn quốc ;
 - Từ năm 2008 đến 2013 : Phó TGD phụ trách kinh doanh Công ty BV Pharma ;
 - Từ tháng 1/2014 - 06/2015 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần phân phối Dược Sài Gòn ;
 - Từ tháng 7/2015 - 06/2016 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần SPM ;
 - Từ tháng 07/2016 đến nay : Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần dược phẩm 2-9 TP.HCM.
- Chức vụ công tác hiện tại : Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần dược phẩm 2-9 TP.HCM
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
 - Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu : 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
 - Số cổ phần nắm giữ tại tổ chức khác : 0 cổ phần
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
 - Số cổ phần nắm giữ của người liên quan: 0

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần
1	Nguyễn Thị Minh Thoa	Vợ	0
2	Võ Xuân Nghi	Con	0

**3. Thành Viên HĐQT – Bà Trịnh Bích Dung**

- Họ và tên : **TRỊNH BÍCH DUNG**
- Giới tính : Nữ
- Số CMND : 022236962 cấp ngày: 30/08/2010 tại: CA.TP.HCM
- Ngày tháng năm sinh : 30/03/1959
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : 197/33 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9, Quận Tân Bình , TP.HCM
- Điện thoại liên lạc : 0908285725
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1983-1990 Nhân viên kế toán tiền lương tại Xí Nghiệp Dược Phẩm 2-9 ;
 - Từ 1990 -1991 Nhân viên kế toán tổng hợp Xí Nghiệp Dược Phẩm 2-9 ;
 - Từ 1991- 1998 : Phó Phòng Tài Chính Kế Toán Xí Nghiệp Dược Phẩm 2-9 ;
 - Từ 10/2001-03/2006 Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2001-2005) Phó Phòng Tài chính kế toán NADYPHAR ;
 - Từ 04/2006- 06/2010 Thành viên HĐQT Giám Đốc Tài Chính kiêm kế toán trưởng NADYPHAR ;
 - 07/2010- 05/2016 Thành viên HĐQT, Phó TGD, Giám Đốc Tài Chính kiêm kế toán trưởng NADYPHAR ;
 - 05/2016 đến nay Thành viên HĐQT, Phó TGD Tài Chính NADYPHAR.
- Chức vụ công tác hiện tại : Thành viên HĐQT, Phó TGD Tài Chính NADYPHAR.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu : 133.018 cổ phần, chiếm 2,40 % vốn điều lệ.
 - + Sở hữu : 133.018 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.



- Số cổ phần nắm giữ tại tổ chức khác : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần
1	Trần Quyền Lễ	Chồng	34.408
2	Trần Thục Nhân	Em chồng	1.237
3	Trịnh Quốc Lương	Em ruột	11.250

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Những thay đổi trong ban điều hành

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	Tổng giám đốc	16/08/2016	17/01/2017
Ông Cáp Hữu Ánh	Tổng giám đốc		12/05/2016
Ông Võ Ngọc Dương	Phó Tổng giám đốc	09/07/2016	31/12/2016
Bà Trịnh Bích Dung	Phó Tổng giám đốc		
Bà Trương Thị Thái Hòa	Phó Tổng giám đốc		12/05/2016
Ông Bùi Ngọc Thắng	Phó Tổng giám đốc		31/08/2016

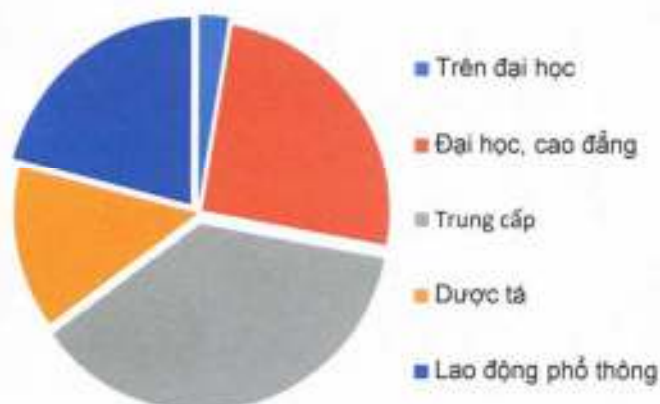
Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	276	100%
1	Trình độ trên đại học	7	2.54%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	70	25.36%
3	Trung cấp	102	36.96%
4	Dực tá	39	14.13%
5	Lao động phổ thông	58	21.01%
II	Theo loại hợp đồng lao động	276	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	236	85.51%

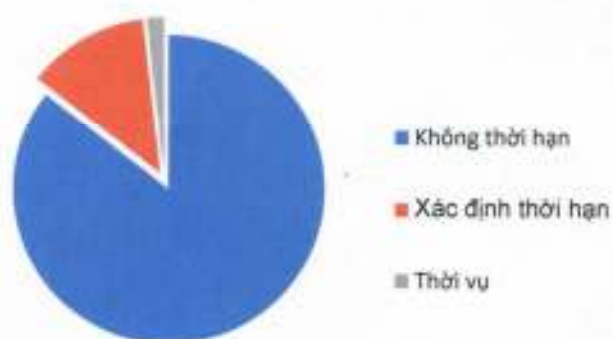


2	Hợp đồng xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	35	12.68%
3	Hợp đồng thời vụ, thử việc (dưới 1 năm)	5	1.81%
III	Theo giới tính	276	100%
1	Nam	122	44.20%
2	Nữ	154	55.80%

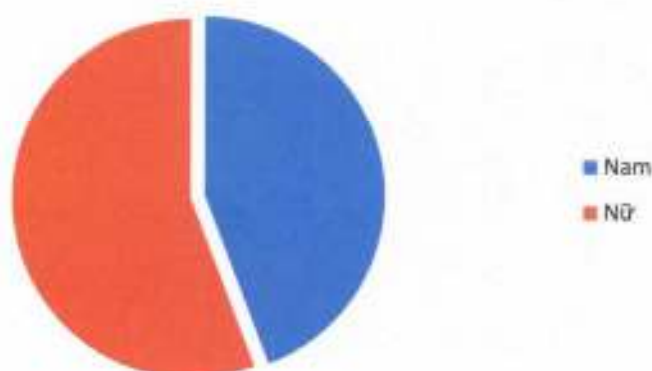
THEO TRÌNH ĐỘ



THEO HỢP ĐỒNG



THEO GIỚI TÍNH



Số cán bộ công nhân viên có trình độ trên Đại học và Đại học chiếm 25.36% tổng số lao động năm 2016. Đây là lực lượng nòng cốt giúp NADYPHAR nâng cao năng lực cạnh tranh nhờ năng suất lao động cao.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

- Tiếp tục theo dõi, tiến hành việc chuyển nhượng tài sản trên đất tại Số 90 Hùng Vương Quận 5.
- Thực hiện tốt các hợp đồng cho thuê mặt bằng tại khu vực 299/22 Lý Thường Kiệt quận 11.
- Chuyển nhượng tài sản trên đất cơ sở số 5 Kinh Dương Vương quận 6.
- Triển khai thực hiện dự án mở rộng, xây dựng công trình dây chuyền sản xuất tại nhà máy Q2.

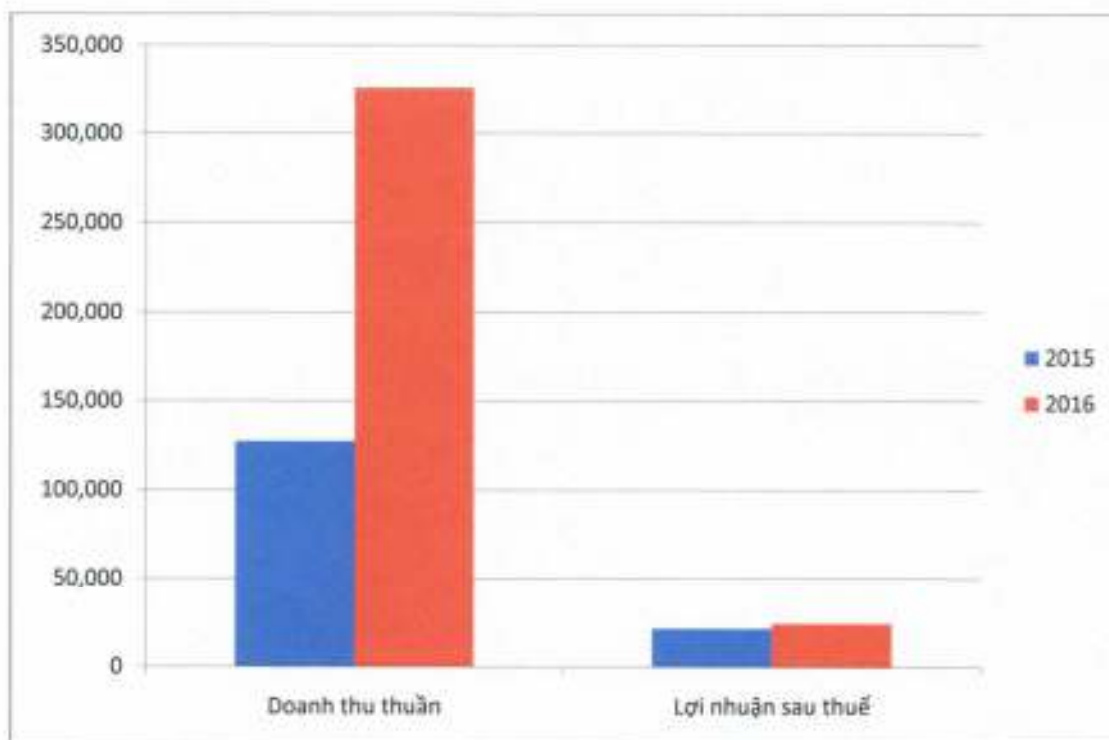
Các công ty con, công ty liên kết

Không có.



**TÌNH HÌNH
TÀI CHÍNH****Tình hình tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	%2016/2015
1	Tổng tài sản	170.939	179.673	105.11%
2	Doanh thu thuần	127.451	325.956	255.75%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.451	30.006	105.47%
4	Lợi nhuận khác	590	60,4	10,24%
5	Lợi nhuận trước thuế	29.041	30.066	103.53%
6	Lợi nhuận sau thuế	21.714	24.706	113.78%
7	Tỷ lệ cổ tức	18%	18%	100.00%



Mặc dù, CTCP Dược phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh gặp không ít những bất lợi trong năm 2016 nhưng doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đã tăng so với năm 2015 cho thấy sự nỗ lực không nhỏ của Nadyphar trong năm qua. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2016 đạt ở mức 325,956 tỷ chiếm 255,75 % so với năm 2015 và chi phí giảm xuống đã đưa lợi nhuận tăng lên ở mức 24,706 tỷ đồng chiếm 113,78% so với cùng kì năm trước.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,73	2,27	3,06
	- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,93	1,43	2,25
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	28,7%	23,9%	22,1%
	- Hệ số nợ/Vốn của các nhà đầu tư	40,2%	31,4%	28,4%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
	- Vòng luân chuyển hàng hoá: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	2,23	2,37	3,07
	- Vòng quay tổng tài sản: DT thuần/Tổng tài sản	0,81	0,77	0,83
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi (%)			
	Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản	13,1%	13,1%	14,1%
	Hệ số LN từ hoạt động SXKD / DT thuần	20,6%	22,3%	20,7%
	Hệ số LN sau thuế / DT thuần	16,0%	17,0%	17%
	Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu	18,3%	17,2%	18,1%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	3.157	2.934	4.229



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: NDP

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 5.550.000 CP
- Loại cổ phần lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.550.000 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VDL
I	Cổ đông trong nước	355	5.550.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	6	2.203.233	39.70%
2	Cổ đông cá nhân	349	3.346.767	60.30%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Cá nhân	0	0	0
2	Tổ chức	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	355	5.550.000	100%



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Chính sách liên quan đến môi trường

Công tác bảo vệ môi trường (BVMT) đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm ngay từ khi tiến hành công cuộc đổi mới thông qua việc Nhà nước ta không ngừng kiện toàn cơ chế, chính sách, pháp luật về BVMT trong đó nhấn mạnh, BVMT là trách nhiệm của toàn xã hội, của mọi người, mọi cá thể vì môi trường có tác động qua lại, gắn kết hữu cơ với hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng doanh nghiệp, từng lĩnh vực, từng ngành nghề. Do đó, NDP luôn ý thức việc giữ gìn, bảo vệ môi trường là kim chỉ nam cho mọi hoạt động. NDP bằng nhiều biện pháp nhằm tối thiểu hóa những tác động gây ảnh hưởng đến môi trường như:

- Cải tiến, đầu tư công nghệ hiện đại thân thiện với môi trường; đầu tư nghiên cứu, cải tiến mẫu mã, chất lượng nhằm sản xuất ra các sản phẩm thân thiện với môi trường vừa là một biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường sống còn là một kênh hữu hiệu để quảng bá hình ảnh, thương hiệu của NADYPHAR đến gần với tay của người tiêu dùng hơn nữa.
- Công tác nghiên cứu, đánh giá về môi trường xung quanh của doanh nghiệp luôn được chú trọng. NDP hướng đến đào tạo cả nhân chuyên môn hóa trong lĩnh vực này để có thể có được kiến thức chuyên môn, đưa ra những biện pháp nhằm giảm thiểu các vấn đề phát thải trong quá trình sản xuất, tuân thủ theo những quy định, quy chuẩn trong vấn đề bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức đến với người lao động về chính sách giảm phế thải, phung phí trong sản xuất, tái chế các vật liệu còn sử dụng được cũng vừa là một biện pháp giảm chi phí cho Công ty. Quy định về việc tiết kiệm điện như: tắt hết đèn, quạt, máy điều hòa khi không sử dụng, không cần thiết. Đầu tư thiết bị kiểm tra các chỉ số năng lượng tại nhà máy; lắp các đồng hồ đo điện, nước tiêu thụ; giám sát và ghi số liệu hằng ngày; lắp công tắc đèn từng khu vực trong nhà xưởng; thay thế đèn chiếu sáng nhiều nơi; dùng đèn điều khiển tự động cho nhà vệ sinh; tận dụng ánh sáng tự nhiên.

Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 44 giờ/tuần.

Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Luật Lao Động cùng với các chính sách đãi ngộ của Công ty như tiền ăn giữa ca, chế độ độc hại, bồi dưỡng nặng nhọc.

Thời gian nghỉ phép năm, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản,... được đảm bảo thực hiện đúng theo luật Lao động, luật Bảo hiểm xã hội, luật Bảo hiểm y tế và các quy định khác của Bộ LĐTBXH.

b. Điều kiện làm việc

Nhà xưởng sản xuất đạt tiêu chuẩn về độ sạch theo tiêu chuẩn của WHO, văn phòng làm việc Công ty khang trang, thoáng mát thuận lợi cho người lao động trong quá trình làm việc, sản xuất. Đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, điều kiện để vệ sinh lao động, đảm bảo và tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

c. Chính sách lương thưởng, trợ cấp và các chế độ cho người lao động

- Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng để thực hiện trong Công ty. Lương trả cho khối gián tiếp được trả theo trình độ cho từng chức danh chuyên môn công việc. Đối với khối trực tiếp SX tiền lương được áp dụng theo hình thức lương sản phẩm được tính theo đơn giá SP cho sản phẩm nhập kho hàng tháng. Đối với Phòng Kinh Doanh Tiếp Thị Công ty có thêm hình thức trả lương khoán doanh số cho trình được viên.
- Công ty thực hiện đầy đủ các khoản trích nộp cho người lao động về: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, song song với việc trích nộp, Công ty đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ việc chi trả về các chính sách chế độ theo quy định của Nhà Nước cho người lao động cũng như Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Ngoài ra Công ty cũng thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, chế độ thăm hỏi khi người lao động ốm đau, hoàn cảnh gia đình có khó khăn và các chế độ khác như cưới hỏi, ma chay v.v... Năm 2016 Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể Cán bộ công nhân viên.
- Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty góp phần tăng hiệu quả trong SXKD đối việc tăng năng suất, chất lượng hoàn thành công việc. Hàng năm, Công ty tổ chức tổng kết và khen thưởng cán bộ công nhân viên với các hình thức: Thương sáng kiến, Thương các danh hiệu (Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua, Thương ABC), Thương tập thể với các danh hiệu (Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến...)

d. Chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ người lao động được hưởng theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể Công ty quy định. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; có chính sách hỗ trợ cho

những trường hợp khó khăn; quan tâm Công ty đã chú trọng việc đào tạo và tái đào tạo liên tục đội ngũ trẻ để kế thừa, đẩy mạnh các hoạt động về đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là những kiến thức và kỹ năng về GMP - GLP – GSP,GDP, kỹ năng về quản lý, kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện như sau :

- Đào tạo CNV mới tuyển: Sau khi tuyển dụng, công nhân viên mới tuyển đều được đào tạo để nắm được các yêu cầu cơ bản về: quá trình hình thành Công ty, cơ cấu hoạt động Công ty, mục tiêu cũng như những quy định trong sản xuất và tác nghiệp.
- Đào tạo hàng năm: Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty về năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức : cử đi đào tạo, tham gia các khóa học bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ bằng các khóa chuyên đề, huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp bên ngoài.
- Công ty thực hiện việc tổ chức các lớp học nâng bậc tay nghề cho CNSX khi đến hạn nâng lương nhằm nâng cao trình độ tay nghề cho Công nhân.

Mức lương bình quân người lao động

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2014	331	7.758.063
2	2015	303	8.174.625
3	2016	276	7.876.933



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Kế hoạch năm 2016	TH2016/ KH2016	% tăng giảm '16/15
1	Doanh thu	130.919	325.956	167.000	195.18%	255.75%
	Doanh thu bán hàng hóa SXKD	124.767	113.762	-	-	91.18%
	Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	6.152	212.194	-	-	344.92%
2	Lợi nhuận trước thuế	29.041	30.066	30.000	100.22%	103.53%
3	Trả cổ tức	18%	18%	18%	100.00%	

(ĐVT: Triệu đồng)

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2016**Thuận lợi:**

- Chính phủ, Bộ Y tế, Cục quản lý Dược Việt Nam có những chính sách quốc gia thúc đẩy phát triển công nghiệp Dược, khuyến khích hệ thống điều trị và người tiêu dùng quan tâm đến việc sử dụng thuốc sản xuất trong nước có chất lượng cao;
- Nhà nước đã tạo ra môi trường đầu tư, cạnh tranh lành mạnh và đang khuyến khích phát triển mạnh ngành công nghiệp Dược Việt Nam, tiến kịp các nước trong khu vực, sản xuất được nhiều sản phẩm có chất lượng cao sớm thay thế hàng nhập khẩu. Chính phủ cũng đã có chính sách quốc gia về sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, khuyến khích các cơ sở y tế, người tiêu dùng sử dụng thuốc sản xuất trong nước, đó là cơ hội tốt để công ty phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh;
- Tăng trưởng kinh tế, sức mua của người dân tăng cao. Hệ thống điều trị, người tiêu dùng có lòng tin hơn đối với dược phẩm sản xuất trong nước nói chung và tin nhiệm sản phẩm của NADYPHAR nói riêng;
 - Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo UBND, các Sở, Ban ngành Tp. HCM;
 - Sự đóng góp sáng tạo, hiệu quả của đội ngũ Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động trong Công ty;
 - Công ty tiếp tục phát huy ưu điểm trong việc chọn lọc sản phẩm trong sản xuất -

kinh doanh, ngưng các sản phẩm bị lỗ và tăng cường các sản phẩm có doanh thu và lợi nhuận cao, cho nên mặc dù doanh thu có giảm, không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, nhưng lợi nhuận vẫn đạt chỉ tiêu kế hoạch.

- Sự phối hợp chặt chẽ nhuần nhuyễn giữa Ban Tổng Giám đốc và các đoàn thể trong Công ty góp phần thúc đẩy các phong trào thi đua hoàn thành nhiệm vụ công tác.
- Lao động có trình độ chiếm tỷ lệ cao trong tổng số lực lượng lao động, kỹ năng lao động ngày càng đáp ứng nhu cầu hơn, lao động được sử dụng đúng trình độ và đảm nhận được các vị trí công việc phức tạp điều này ảnh hưởng và tác động rất lớn tới năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động.
- Quan hệ lao động hài hòa, thu nhập người lao động có chuyển biến, định mức lao động, đơn giá sản phẩm sát với thực tế có căn cứ khoa học để sắp xếp lao động hợp lý hơn và nâng cao hiệu quả các thiết bị đã đầu tư.
- HDQT sâu sát, kịp thời chi đạo để nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính, hoạt động SXKD, thu nhập người lao động và đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông.

Khó khăn

- Sự biến động giá của nguyên vật liệu dược phẩm, nhiên liệu,... ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đối với NADYPHAR, việc cạnh tranh gay gắt trong ngành như hiện nay càng gây khó khăn hơn trong công tác quản lý kinh doanh vì thị phần của Công ty còn nhỏ (chỉ chiếm khoảng hơn 1% doanh thu sản phẩm do các công ty dược trong nước sản xuất).



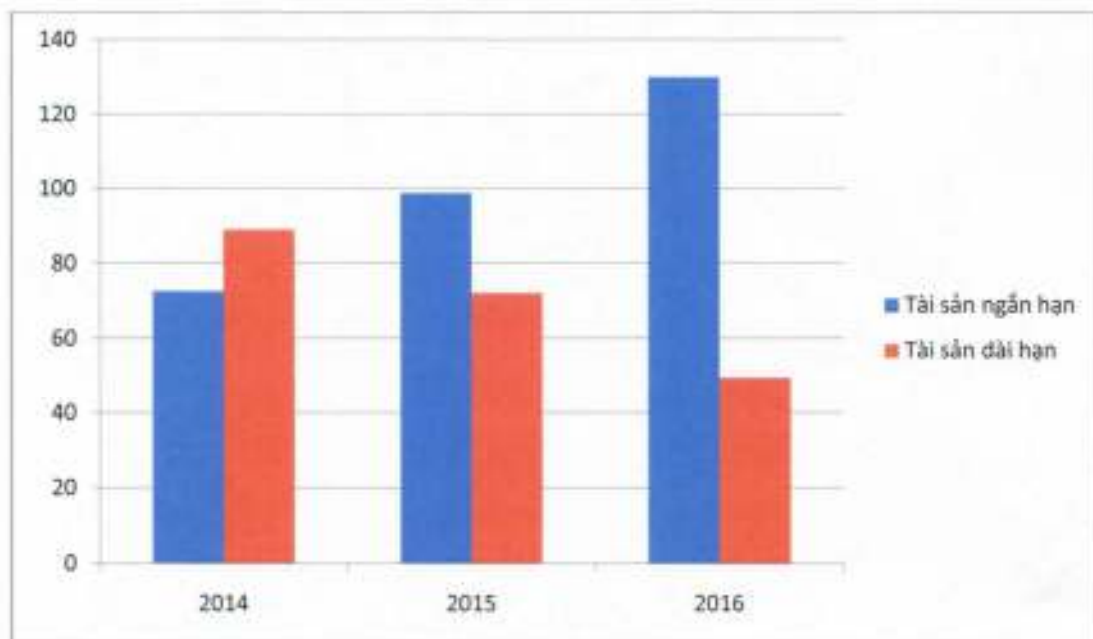
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH 2016/ TH 2015	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Tài sản ngắn hạn	98.797	130.009	131,59%	57,80%	72,36%
Tài sản dài hạn	72.142	49.664	68,84%	42,20%	27,64%
Tổng tài sản	170.939	179.673	105,11%	100%	100%

(DVT: triệu đồng)

TÌNH HÌNH TÀI SẢN QUA CÁC NĂM



Tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn năm 2016 đạt mức 130.009 tỉ tăng 31,59% so với năm trước chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu ngắn hạn và các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, hàng tồn kho.....

Chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng như sau:

STT	Khách hàng	Giá trị
1	Công ty CP Dược phẩm Quận 10	3.323.287.181
2	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1.004.757.264
3	Công ty TNHH Dược phẩm Trung Việt	664.484.809
4	Nhà thuốc Thanh Phong	676.731.389
5	Công ty CP Dược phẩm Bến Tre	583.928.656
6	Các khách hàng khác	4.677.774.876
	Tổng cộng	10.930.964.175

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu hàng tồn kho được Công ty có giảm nhẹ. Mặc dù hiện nay trong vấn đề tiêu thụ do hạn dùng còn ngắn, các sản phẩm chiến lược và quen thuộc của Công ty bị cạnh tranh gay gắt về giá cả, về sức tiêu thụ làm giảm doanh số gây khó khăn trong công tác tiêu thụ và chi phí xử lý. Chi tiết hàng tồn kho như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nguyên liệu, vật liệu	14.515.644.000
2	Công cụ, dụng cụ	113.932.271
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.456.480.846
4	Thành phẩm	11.979.072.553
	Tổng cộng	30.065.129.670

(ĐVT: Đồng)

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và trả trước cho nhà cung cấp như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	78.000.000.000
2	Trả trước cho các nhà cung cấp khác	1.437.063.765
	Tổng cộng	79.437.063.765

Tài sản dài hạn

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình		99.280.339.297	71.273.405.007	28.006.934.290	28.21%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	37.848.535.387	17.799.926.547	20.048.608.840	52.97%
2	Máy móc thiết bị	51.796.912.389	45.283.215.368	6.513.697.021	12.58%
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	5.005.122.632	3.798.936.251	1.206.186.381	24.10%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.629.768.889	4.391.326.841	238.442.048	5.15%
Tài sản cố định vô hình		5.691.216.091	1.066.293.808	4.624.922.283	81.26%
1	Quyền sử dụng đất	4.589.050.091	-	4.589.050.091	100,00%
2	Phần mềm máy vi tính	1.102.166.000	1.066.293.808	35.872.192	3.25%
Tổng cộng		104.971.555.388	72.339.698.815	32.631.856.573	31.09%

(ĐVT: Đồng)

Trong đó:

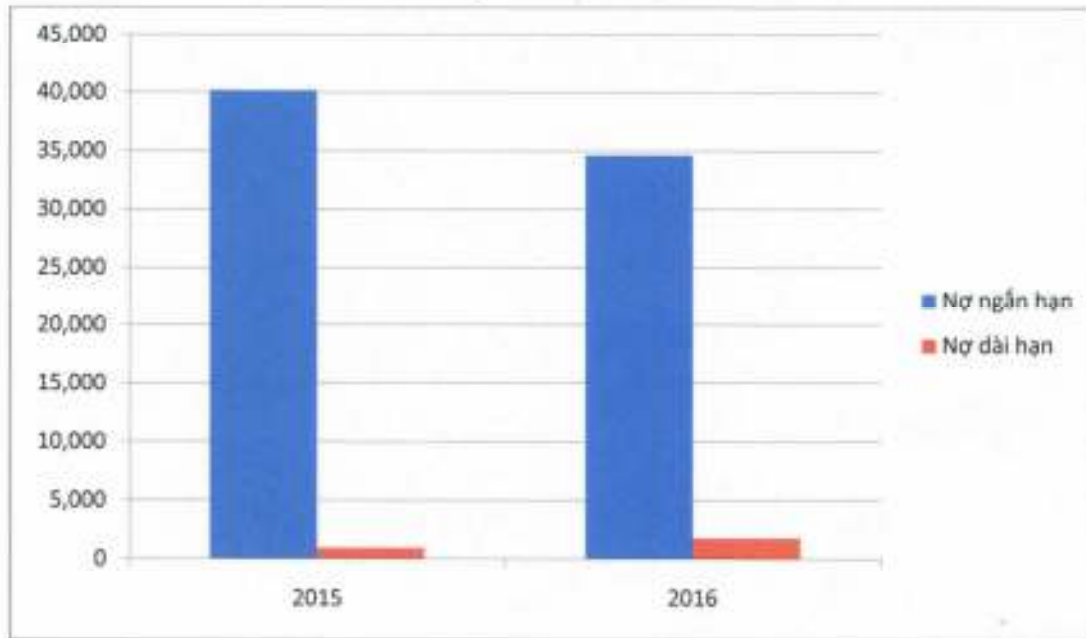
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại công ty là: 40.528.800.452 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.056.176.000 đồng.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH 2016/ TH 2015	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Nợ ngắn hạn	40.214	34.640	86.14%	97,66%	95.08%
Nợ dài hạn	963	1.791	185.98%	2,34%	4.92%
Tổng nợ phải trả	41.177	36.431	88.47%	100%	100%

(ĐVT: Triệu đồng)

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ QUA CÁC NĂM



Nợ ngắn hạn chiếm hơn 90% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty. Nợ ngắn hạn giảm 2.58% so với năm 2015. Công ty chú trọng cho việc chi trả các khoản nợ ngắn hạn, lãi vay để phòng rủi ro, giảm gánh nặng chi phí cho Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác cung ứng nguyên liệu vật tư tuy chưa được hoàn chỉnh, nhưng có tiến bộ hơn các năm trước, không có tình trạng thừa nhiều hay thiếu hàng cho sản xuất.

Công tác hạch toán đảm bảo tốt, cân đối nguồn vốn, sử dụng vốn có hiệu quả, công khai minh bạch và không để thất thoát xảy ra.

Công ty không để xảy ra cháy nổ, tai nạn lao động và mất mát tài sản. Trong điều kiện khó khăn về sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn luôn đảm bảo công việc làm, lương thưởng xứng đáng cho những đóng góp tích cực của CBCNV với công ty và quyền lợi cổ đông đạt chỉ tiêu đề ra.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu kế hoạch 2017

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2016
Vốn điều lệ	55.500	55.500	0
Doanh thu thuần	325.956	155.000	52.8%
Lợi nhuận trước thuế	30.066	30.000	-0.2%
Lợi nhuận sau thuế	24.706	24.000	-2.9%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7.6%	15,5%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	44,5%	43,2%	-
Cổ tức	18%	18%	-

➤ Định hướng phát triển

Sản phẩm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và phân phối thuốc cho người tiêu dùng thông qua các Công ty, các nhà thuốc trong và ngoài nước. Công ty có Nhà máy đạt các tiêu chuẩn WHO - GMP, GLP, GSP, đây là yếu tố cần thiết giúp Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.HCM vững bước trên con đường hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.
- Sản phẩm của Công ty ngày một đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh, được

sản xuất trên những dây chuyền của Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc của tổ chức Y tế Thế giới (GMP-WHO)”, 100% sản phẩm đều qua kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP) và được bảo quản, tồn trữ theo tiêu chuẩn thực hiện tốt bảo quản thuốc (GSP). Ngoài những thuốc thông thường như: kháng sinh, giảm đau, hạ sốt, vitamin,... Công ty đã nghiên cứu sản xuất thuốc đặc trị như: tim mạch, tiểu đường,... để ngày càng đáp ứng mô hình bệnh tật của Việt Nam.

- Phát huy thế mạnh với những sản phẩm truyền thống kết hợp với tinh hoa của nền y học cổ truyền để tạo ra các sản phẩm có nguồn gốc thảo dược với hiệu quả điều trị cao đáp ứng được xu thế phát triển các sản phẩm từ nguồn gốc thiên nhiên.
- Các nhóm sản phẩm được sản xuất dưới nhiều dạng: Viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên nang, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc nước, thuốc ống uống, dầu cao, thuốc mỡ, thuốc phấn, v.v.... Ngoài ra để chất lượng của thuốc ngày càng ổn định và nâng cao, Công ty đang áp dụng công nghệ tiên tiến của thế giới như sử dụng các nguyên liệu dạng vi hạt hoặc nghiền cứu đưa vào sản xuất thuốc giải phóng hoạt chất có kiểm soát.
- Ngoài ra Công ty còn đẩy mạnh sản xuất gia công các sản phẩm là dược phẩm, thực phẩm chức năng.

Hệ thống phân phối:

- Hệ thống phân phối đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc GDP và thực hành tốt bảo quản thuốc GSP của Công ty được tiếp thị và phủ rộng khắp trong cả nước đảm bảo việc cung ứng đầy đủ tất cả các sản phẩm của Công ty một cách chuyên nghiệp đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị.
- Công ty thực hiện phương châm phân phối thuốc đến tay người tiêu dùng đạt chất lượng thông qua hệ thống Công ty, nhà thuốc và mạng lưới trình dược viên, cộng tác viên của Công ty, đồng thời Công ty cũng tiến hành mở rộng thêm thị phần trong và ngoài nước bằng cách củng cố, tăng cường mạng lưới trình dược, mạng lưới cộng tác viên cùng với việc tạo mối quan hệ thường xuyên với các khách hàng để thăm dò thị trường, tìm hiểu thêm các thông tin phản hồi về sản phẩm của Công ty nhằm thực hiện tốt khẩu hiệu “NADYPHAR chất lượng vì sức khỏe mọi nhà”.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nhiệm vụ chiến lược của Công ty là xây dựng Công ty trở thành một trong những Công ty Dược của Việt Nam phát triển vững mạnh toàn diện trong lĩnh vực SXKD Dược phẩm, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận từ 10% /năm trở lên. Công ty tiếp tục ổn định và mở rộng quy mô sản xuất, thăm dò thị trường, tìm kiếm đối tác để hợp tác và gia công sản phẩm góp phần làm tăng hiệu quả của Công ty.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh để tăng thêm thị trường tiêu thụ, tăng cường việc

đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao, đẩy mạnh sản xuất thực phẩm chức năng tại Nhà máy Q2 để đa dạng hóa sản phẩm.

- Tập trung khai thác các mặt bằng hiện có một cách hiệu quả thông qua việc hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng, kho bãi.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ

MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến môi trường

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của doanh nghiệp, và hơn nữa là sự sống còn của doanh nghiệp:

Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém, không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của doanh nghiệp, mà còn ảnh hưởng đến sự sống còn và phát triển của doanh nghiệp. Chỉ khi bảo vệ tốt môi trường, doanh nghiệp mới có thể phát triển một cách bền vững. Với bối cảnh như vậy, Công ty luôn xem trọng song song với việc sản xuất kinh doanh là bảo vệ môi trường và không ngừng tìm tòi những biện pháp bảo vệ môi trường nâng tầm Công ty lên hơn nữa.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động là động lực phát triển của Công ty, là người trực tiếp sử dụng những tư liệu lao động nhằm tạo ra giá trị, giúp guồng máy hoạt động một cách hiệu quả. Do đó, năng suất của Công ty luôn phụ thuộc vào người lao động, muốn đạt năng suất cao thì phải tạo một môi trường thuận lợi, nâng cao đời sống nhân viên, hỗ trợ tinh thần.

- Nhân viên, người lao động được hưởng các chính sách tốt nhất của Công ty; được đảm bảo những quyền lợi cho người lao động; được nghỉ phép, nghỉ lễ đúng quy định. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức đi du lịch, các hoạt động tập thể giúp nhân viên, người lao động được nghỉ ngơi, thoải mái sau những giờ làm việc căng thẳng, lấy lại tinh thần cho những ngày làm việc đầy hiệu quả và năng suất cao.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ người lao động được hưởng theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể Công ty quy định. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; có chính sách hỗ trợ cho những trường hợp khó khăn; quan tâm Công ty đã chú trọng việc đào tạo và tái đào tạo liên tục đội ngũ trẻ để kế thừa, đẩy mạnh các hoạt động về đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là những kiến thức và kỹ năng về GMP – GLP – GSP –GDP, các kỹ năng về quản lý, kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo CNV mới tuyển: Sau khi tuyển dụng, công nhân viên mới tuyển đều được đào tạo để nắm được các yêu cầu cơ bản về: quá trình hình thành Công ty, cơ cấu hoạt động Công ty, mục tiêu cũng như những quy định trong sản xuất và tác nghiệp.





- Đào tạo hàng năm: Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty về năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, tham gia các khóa học bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ bằng các khóa chuyên đề, huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp bên ngoài.
- Trong năm 2016 Công ty đã gửi đi tập huấn các lớp: về nghiệp vụ Hành chính Nhân sự, Nghiệp vụ Thuế, Nghiệp vụ chuyên môn, các quy định và hướng dẫn thực hành GPs, vv...

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cắp sách đến trường. NADYPHAR là một công ty có chuyên môn về chăm sóc sức khỏe con người nên việc góp một phần nhỏ vào việc hỗ trợ cho người nghèo, trẻ em, bệnh tật có hoàn cảnh khó khăn là một việc vô cùng ý nghĩa. Tuy việc đóng góp giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp cũng là một sự đầu tư của Doanh nghiệp vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực,...tiếp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Đất nước giàu mạnh, địa phương phát triển cũng là một thuận lợi đối với Công ty.

NADYPHAR đồng hành cùng Chương trình "Vì đàn em thân yêu"

Chào mừng Ngày Quốc Tế Thiếu Nhi 8/10/2015, Đoàn thanh niên Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP HCM - **NADYPHAR** đã đồng phối hợp với Câu Lạc Bộ Y Học Trẻ Tuổi Nguyễn Hữu Cầm tổ chức thực hiện Chương trình "Vì đàn em thân yêu" tại Mái Ấm Thành Tâm, địa chỉ: Số 553 Tô 11, Ấp Trung Mỹ Tây, Xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn, TP HCM.

Chương trình "Vì đàn em thân yêu" đã khám bệnh, phát thuốc không chỉ và tặng quà cho 43 trẻ em khuyết tật và trẻ em đặc biệt đang tại mái ấm đó tuổi từ 2 tháng đến 13 tuổi đang nuôi dưỡng tại Mái Ấm Thành Tâm.

Này là hoạt động mang tính nhân văn sâu sắc và nhân ý nghĩa, thể hiện thiện lương của công ty **NADYPHAR** là bảo trợ và đồng hành, cũng là dịp để các học trò Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2-9 TP HCM được tham gia các hoạt động xã hội và thể hiện tinh thần tương thân ái tương trợ và hội và đồng hành.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ

CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2016 là năm đầu tiên thời kỳ chuyển tiếp giữa nhiệm kỳ cũ và nhiệm kỳ mới, do đó không tránh khỏi những thách thức nhiều hơn thuận lợi trong giai đoạn đầu chuyển đổi này. Đặc điểm riêng đối với Công ty là giữa các thành viên HĐQT- Ban TGD cũ, cơ cấu tổ chức nhân sự cũ và mới nên có nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu.

Tuy nhiên, tình hình kinh doanh trong năm 2016 đã được cải thiện, doanh thu đạt 328,3 tỷ đồng, chủ yếu nhờ vào doanh thu từ việc nhượng bán bất động sản. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 24,7 tỷ tăng 13,8% so với năm 2015

Những số liệu trên đã thể hiện sự nỗ lực của Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.HCM trong hoạt động sản xuất, quản lý chi phí cũng như trong quá trình tiếp thị sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ,...trong điều kiện kinh doanh ngày một khó khăn và mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.HCM, đặc biệt là cán bộ quản lý cấp cao, là những người có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dược phẩm và quản lý doanh nghiệp. Cán bộ quản lý cấp trung có trình độ, năng động và sáng tạo. Đội ngũ công nhân viên lao động có trình độ tay nghề và có tinh kỳ luật cao.

Ngày 4/11/2016 Công ty đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua tờ trình về phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu và thông qua tờ trình về việc sửa đổi bổ sung một số điều của điều lệ công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị thực hiện hoạt động giám sát Tổng Giám Đốc thông qua việc báo cáo của Tổng Giám Đốc trong các cuộc họp của HĐQT hàng quý hoặc báo cáo theo yêu cầu của HĐQT. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị thực hiện giám sát Tổng Giám Đốc và các hoạt động của Công Ty thông qua chức năng nhiệm vụ của các Thành viên Hội Đồng Quản Trị trong hoạt động hàng ngày, hàng quý của Công Ty. Chỉ đạo và giám sát thực hiện tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2016, chi trả tiền cổ tức năm 2015. Giám sát việc triển khai các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch, nhiệm vụ đã được HĐQT thông qua. Cử Thành viên HĐQT tham gia vào Ban Tổng Giám Đốc để kịp thời nắm bắt thông tin, cùng Tổng Giám Đốc thực hiện việc điều hành Công Ty đồng thời giám sát hoạt động của TGD. Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

Nhìn chung trong năm qua, Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, chỉ đạo, định hướng, thường xuyên kiểm tra giám sát và hợp định kỳ cũng như là hợp bất thường, cùng với ban Tổng Giám Đốc giải quyết các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, mặc dù trong năm còn những hạn chế yếu kém nhất định, nhưng Công ty đã nỗ lực và Ban Tổng Giám Đốc đã có những cố gắng nhất định nhưng cần quyết tâm cao và đủ mạnh hơn nữa, nhằm đưa ra những chính sách giúp cải thiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đi đúng trọng tâm và có những giải pháp thật sự hữu hiệu để khắc phục các mặt hạn chế.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2017 và chiến lược phát triển NADYPHAR trong giai đoạn 2016-2020, Hội đồng quản trị Công ty đã đặt mục tiêu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty mức lợi nhuận tối thiểu là 12% trên vốn chủ sở hữu. Điều đó cho thấy, việc khai thác hiệu quả nguồn vốn của Công ty là mục tiêu quan trọng và được quan tâm hàng đầu.

Để phát triển bền vững và gia tăng giá trị công ty, NADYPHAR sẽ thực hiện một số dự án sau:

- Sửa chữa, nâng cấp nhà máy GMP – WHO;
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh để tăng thêm thị trường tiêu thụ, tăng cường việc đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao, đẩy mạnh sản xuất thực phẩm chức năng tại Nhà máy Quận 2 để đa dạng hóa sản phẩm;
- Đẩy mạnh tham gia đấu thầu cung cấp thuốc cho khối điều trị tại các bệnh viện và các chương trình quốc gia;
- Tăng cường công tác sản xuất gia công dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- Xây dựng thương hiệu bền vững, không ngừng mở rộng và giữ vững thị trường truyền thống, mở thêm thị trường mới sang Campuchia và các nước khác;
- Tăng cường việc tiếp thị ở thị trường nội địa, quốc tế thông qua các hình thức tham gia các hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu sản phẩm và khuếch trương thương hiệu trên các kênh thông tin cũng như trên các diễn đàn thiết thực và có hiệu quả.



Hội đồng quản trị nhất trí thông qua một số nội dung

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 (Biểu quyết 5/5).

Thông qua bản phân phối lợi nhuận năm 2016 (tỷ lệ biểu quyết 5/5) như sau:

Trích quỹ Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển: 20%
- Quỹ thù lao Hội Đồng Quản Trị: 5%
- Quỹ khen thưởng: 12%
- Quỹ phúc lợi : 3%

Trả cổ tức cho cổ đông: Chi trả cổ tức 2016 là 18% (Trên vốn điều lệ 55,5 tỷ đồng).





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Giới thiệu Ban kiểm soát

Giới thiệu Ban tổng Giám Đốc

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên HDQT tại thời điểm báo cáo.

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Ngô Nam Thắng	Chủ tịch HDQT	
2	Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Chủ tịch HDQT	
3	Ông Hoàng Xuân Minh Trí	Thành viên HDQT	
4	Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên HDQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
5	Ông Nguyễn An Giang	Thành viên HDQT	

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị



Ông Ngô Nam Thắng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Ngô Nam Thắng**
- Ngày tháng năm sinh: 13/12/1965
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 021622338 do Công an Tp.HCM cấp ngày 19/05/2014
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 122 Duy Tân, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
- Quá trình công tác:
 - Số điện thoại liên lạc: 08.38687350
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Quản lý Doanh Nghiệp
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Nam Thiên Phát; Chủ tịch HDQT Công ty CP XD TM DV GB Sài Gòn.

Thời gian

Đơn vị công tác & Chức vụ

Từ 2003 đến 2010	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH XD TM DV GB
Từ 2008 đến nay	Giám Đốc Công ty TNHH Đầu tư Nam Thiên Phát
Từ 2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng Thương mại Dịch vụ GB Sài Gòn
Từ 12/05/2016 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 635.048 cổ phần – tỷ lệ 11,44%
 - Sở hữu cá nhân: 635.048 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:
 - Nguyễn Thị Ánh Hoa (Vợ), sở hữu 54.822 cổ phần, tỷ lệ 0,99%
 - Ngô Thị Cẩm Ly (Em), sở hữu 45.952 cổ phần, tỷ lệ 0,83%
 - Ngô Thị Giáng Hương (Em), sở hữu 45.952 cổ phần, tỷ lệ 0,83%
 - Ngô Phạm Việt (Em), sở hữu 87.000 cổ phần, tỷ lệ 1,57%



Ông Phạm Ngọc Tú - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Phạm Ngọc Tú - Ngày tháng năm sinh: 23/04/1974 - Giới tính: Nam - Số CMND: 024042613 do Công an TP.HCM cấp ngày 16/03/2015 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam - Quê quán: Đồng Nai - Địa chỉ thường trú: 38/41 Trần Khắc Chân, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM - Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Số điện thoại liên lạc: 0913839458 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Dược Sĩ đại học - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Phòng Kinh Doanh Tiếp Thị Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn |
|---|---|

Thời gian

Đơn vị công tác & Chức vụ

Từ 1997 đến 2008	Nhân viên tại các chi nhánh của Công ty Sapharco
Từ 2008 đến 2009	Trưởng Phòng tiếp thị Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
Từ 2009 đến nay	Trưởng Phòng kinh doanh tiếp thị Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
Từ 05/2016 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 777.000 cổ phần – tỷ lệ 14%
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 777.000 cổ phần, cho Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có



Ông Hoàng Xuân Minh Trí – Thành viên Hội đồng quản trị

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Hoàng Xuân Minh Trí - Ngày tháng năm sinh: 29/11/1973 - Giới tính: Nam - Số CMND: 024948705 do Công an TP.HCM cấp ngày 17/04/2008 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam - Quê quán: Thừa Thiên Huế - Địa chỉ thường trú: 1056/34 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM - Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Số điện thoại liên lạc: 0913668181 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kế toán kiểm toán - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Nhân Sự Hành Chính Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn |
|---|--|

Thời gian	Đơn vị công tác & Chức vụ
Từ 1999 đến 2008	Nhân viên kế toán tại phòng kế toán Công ty Dược Sài Gòn
Từ 2008 đến 2010	Phó Phòng đầu tư- tài chính Công ty Dược Sài Gòn
Từ 2010 đến	Trưởng Phòng kế hoạch - đầu tư Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn

03/2016	Gòn
Từ 04/2016 đến nay	Trưởng phòng Nhân Sự Hành Chính Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
Từ 12/05/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 832.500 cổ phần – tỷ lệ 15%
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 832.500 cổ phần, cho Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có



Bà Trịnh Bích Dung- Thành viên Hội đồng quản trị

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Trịnh Bích Dung - Ngày tháng năm sinh: 30/03/1959 - Giới tính: Nữ - Số CMND: 022236962 do Công an Tp.HCM cấp ngày 30/08/2010 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam - Quê quán: Đà Nẵng - Địa chỉ thường trú: 197/33 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9, Quận Tân Bình , - Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> TP.HCM - Số điện thoại liên lạc: 0908285725 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có. |
|---|---|

Thời gian	Đơn vị công tác & Chức vụ
Từ 1983-1990	Nhân viên kế toán tiền lương tại Xí Nghiệp Dược Phẩm 2-9
Từ 1990 -1991	Nhân viên kế toán tổng hợp Xí Nghiệp Dược Phẩm 2-9
Từ 1991- 1998	Phó Phòng Tài Chính Kế Toán Xí Nghiệp Dược Phẩm 2-9
Từ 10/2001 đến 03/2006	Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 1 (2001-2005) kiêm Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
Từ 04/2006 đến	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám Đốc Tài Chính kiêm kế toán

06/2010	trưởng Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
Từ 07/2010 đến 05/2016	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
Từ 05/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 133.018 cổ phần – tỷ lệ 2,40%
 - Sở hữu cá nhân: 133.018 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:
 - Trần Quyền Lễ (Chồng), sở hữu 34.408 cổ phần, tỷ lệ 0,62%
 - Trần Thục Nhân (Em chồng), sở hữu 1.237 cổ phần, tỷ lệ 0,02%
 - Trịnh Quốc Lương (Em ruột), sở hữu 11.250 cổ phần, tỷ lệ 0,20%



Ông Nguyễn An Giang - Thành viên Hội đồng quản trị

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Nguyễn An Giang - Ngày tháng năm sinh: 26/03/1980 - Giới tính: Nam - Số CMND: 024969386 do Công an Tp.HCM cấp ngày 16/03/2009 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam - Quê quán: Quảng Xương – Thanh Hóa - Địa chỉ thường trú: 77/77B Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, - Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> Tp.HCM - Số điện thoại liên lạc: 0939888666 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Sài Gòn |
|---|--|

Thời gian	Đơn vị công tác & Chức vụ
Từ 2003 đến 2004	Cán bộ tín dụng Sở Giao dịch – Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
Từ 2004 đến 2006	Chuyên viên kiểm soát nội bộ Hội sở- Ngân Hàng TMCP Hàng

	Hải Việt Nam
Từ 10/2016 đến 01/2007	Phó Phòng Giao Dịch Lạch Tray 1 Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – chi nhánh Hải Phòng
Từ 01/2007 đến 10/2008	Trưởng Phòng Kinh doanh Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – chi nhánh Hải Phòng
Từ 10/2008 đến 04/2009	Phó Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – chi nhánh Chợ Lớn
Từ 04/2009 đến 07/2014	Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Chợ Lớn
Từ 07/2014 đến nay	Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn
2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 Tp.HCM

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 568.333 cổ phần – tỷ lệ 10,24%
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 568.333 cổ phần, đại diện cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại Dịch vụ G.B Sài Gòn.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị trong năm

	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông	Ngô Nam Thắng	Chủ tịch	12/05/2016	
Ông	Chu Mai Hào	Chủ tịch		12/05/2016
Ông	Phạm Ngọc Tú	Phó chủ tịch	12/05/2016	
Ông	Cáp Hữu Ánh	Phó chủ tịch		12/05/2016
Ông	Hoàng Xuân Minh Trí	Thành viên	12/05/2016	
Ông	Nguyễn An Giang	Thành viên		
Bà	Trịnh Bích Dung	Thành viên		
Ông	Cao Tứ Tài	Thành viên		12/05/2016
Ông	Bùi Ngọc Thắng	Thành viên		12/05/2016
Bà	Trương Thị Thái Hòa	Thành viên		12/05/2016



Hoạt động của Hội đồng quản trị**Các cuộc họp hội đồng quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Ngô Nam Thắng	Chủ tịch	6/6	100%	
2	Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Chủ tịch	6/6	100%	
3	Ông Hoàng Xuân Minh Trí	Thành viên	6/6	100%	
4	Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên	6/6	100%	
5	Ông Nguyễn An Giang	Thành viên	6/6	100%	



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội Đồng Quản trị

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	007/NQ-HĐQT	07/1/2016	Trả cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng tiền mặt
2	039/HĐQTNKIII	22/01/2016	Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và phương hướng các chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty
3	136/HĐQTNKIII	13/04/2016	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Quý 1/2016 và phương hướng Quý 2/2016; Công tác tổ chức Đại Hội Đồng Cổ đông năm 2016
4	193/HĐQT	13/05/2016	Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2016-2020), bàn giao các chức danh chủ chốt của Công ty
5	217/HĐQT	24/05/2016	Phân công thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ IV, bàn một số giải pháp để thực hiện kế hoạch
6	300/NQ-HĐQT	18/07/2016	Bổ sung một số ngành nghề trong giấy phép đăng ký kinh doanh và bổ nhiệm một số nhân sự chủ chốt của Công ty
7	343/NQ-HĐQT	11/8/2016	Thành lập Trung tâm Phân phối Dược phẩm và bổ nhiệm nhân sự Tổng Giám Đốc Công ty
8	394/HĐQT	21/09/2016	Phát hành trái phiếu chuyển đổi, chuyển nhượng dự án, sửa đổi Điều lệ.
9	414/NQ-HĐQT	4/10/2016	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2016
10	416/NQ-HĐQT	4/10/2016	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về bổ sung ngành nghề kinh doanh
11	562/NQ-HĐQT	20/12/2016	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền mặt

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2016, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.



GIỚI THIỆU

BAN KIỂM SOÁT**Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ tên	Chức danh
1	Trần Nam Hải	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thế Phong	Thành viên BKS
3	Nguyễn Trần Xuân Mai	Thành viên BKS

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát**Ông Trần nam Hải - Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên: **Trần Nam Hải**
- Ngày tháng năm sinh: 12/02/1985
- Giới tính: Nam
- Nơi Sinh: TP.HCM
- Số CMND: 023924061 do Công an Tp.HCM cấp ngày 14/06/2011.
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 22 Phổ Quang, P.2, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Quá trình công tác:
 - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0938805063
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị kinh doanh
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kiểm soát nội bộ Công ty TNHH Mead Johnson Nutrition Việt Nam

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2008 đến 2010	Khoa quản trị Kinh Doanh Quốc tế	Chuyên viên
Từ 2010-2014	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	Kiểm toán viên
Từ 2014 đến	Công ty TNHH Mead Jonson Nutrition	Kiểm soát nội bộ

nay	Việt Nam	
Từ 05/2016 đến nay	Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM	Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có



Ông Nguyễn Thế Phong-Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Thế Phong**
- Ngày tháng năm sinh: 4/9/1979
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 211848767, cấp ngày 2/2/22 – CA Bình Định
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: Nhơn Thành, An Nhơn, Bình Định
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Sao Phúc An; Thành viên BKS Công ty cổ phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 – 2002	Trường Đại học nông lâm Tp.HCM	Sinh viên
2003 – 2005	Công ty nông thổ sản 2	Nhân viên kế toán
2005 – 2013	Công ty TNHH G.B	Kế Toán Trưởng
2013 đến nay	Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM	Thành viên Ban kiểm soát
1/2014 đến nay	Công ty TNHH Sao Phúc An	Kế Toán Trưởng
4/2014 đến nay	Công ty cổ phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.500cổ phần – tỷ lệ: 0,05%

+Sở hữu cá nhân: 2.500cổ phần

+Đại diện sở hữu:Không có.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có



Bà Nguyễn Trần Xuân Mai - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Trần Xuân Mai**

- Ngày tháng năm sinh: 01/02/1984

- Giới tính: Nữ

- Số CMND: 025666053 do Công an Tp.HCM cấp ngày 31/08/2015

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Quê quán: An Giang

- Địa chỉ thường trú: 255/6/7/32 Ngõ Tắt Tỏ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.Hồ Chí Minh

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Nhân viên kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH MTV SX-TM-XNK Nam Hà

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2010 đến nay	Công ty TNHH MTV SX-TM-XNK Nam Hà	Nhân viên kế toán tổng hợp
Từ 05/2016 đến nay	Công ty cổ phần Dược Phẩm 2-9 Tp.HCM	Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu: Không có

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Hoạt động của Ban kiểm soát

Không có.

Thay đổi trong Ban kiểm soát trong năm

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Nam Hải	Trưởng ban	12/05/2016	31/12/2016
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên		
Bà Nguyễn Trần Xuân Mai	Thành viên	12/05/2016	
Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm	Trưởng ban		12/05/2016
Bà Phạm Thị Hoàng	Thành viên		12/05/2016



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Thù lao/Lương	Thưởng
I	Hội đồng quản trị	354,250,000	327,000,000
1	Chu Mai Hào	31,500,000	57,000,000
2	Cáp Hữu Ảnh	22,500,000	52,000,000
3	Trương Thị Thái Hòa	18,000,000	28,000,000
4	Bùi Ngọc Thắng	18,000,000	51,000,000
5	Trịnh Bích Dung	50,000,000	50,000,000
6	Nguyễn Hòa Hưng (T.Ký)	18,250,000	6,000,000
7	Cao Tứ Tài	18,000,000	44,000,000
8	Nguyễn An Giang	50,000,000	34,000,000
9	Phạm Ngọc Tú	40,000,000	0
10	Hoàng Xuân Minh Trí	32,000,000	5,000,000
11	Ngô Nam Thắng	56,000,000	0
II	Ban kiểm soát	137,500,000	115,000,000
1	Nguyễn Thị Huyền Trâm	18,000,000	42,000,000
2	Phạm Thị Hoàng	15,750,000	37,000,000
3	Nguyễn Thế Phong	43,750,000	36,000,000
4	Trần Nam Hải	32,000,000	0
5	Trần Thị Xuân Mai	28,000,000	0
III	Ban Giám đốc (*)	1,560,165,777	174,982,000
1	Chu Mai Hào	233,650,269	24,013,000
2	Cáp Hữu Ảnh	199,462,000	26,219,000

3	Trương Thị Thái Hòa	9,924,000	9,738,000
4	Trịnh Bích Dung	379,559,000	54,238,000
5	Bùi Ngọc Thắng	277,828,124	24,374,000
6	Nguyễn Thị Châu Oanh	254,397,000	18,750,000
7	Võ Ngọc Dương	205,345,384	17,650,000

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HDQT sẽ tập trung đưa ra các biện pháp hữu hiệu để tháo gỡ các vướng mắc, khắc phục các mặt hạn chế, nhằm chuẩn bị thật tốt cho đại hội cổ đông. Công ty sẽ thành lập ban chỉ đạo để cùng nhau tổ chức đại hội cổ đông cho thật tốt, về phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

HDQT thống nhất giao cho Ban Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, điều hành hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017.

Từ những kế hoạch, chiến lược ngắn hạn, Hội đồng quản trị sẽ đưa ra những kế hoạch dài hạn bám sát với mục tiêu chiến lược của Công ty. Hội đồng quản trị hướng tới việc quảng bá thương hiệu của NADYPHAR, đẩy mạnh nghiên cứu những sản phẩm mới, chất lượng tốt hơn và phải nhanh, kịp thời thay thế những sản phẩm cũ đáp ứng nhu cầu của khách hàng ở kênh ETC và OTC.



Số: 210 /17/BCKT/AUD-VIETVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017 từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 20 tháng 03 năm 2017, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác và Công ty TNHH Kiểm toán DTL. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 21 tháng 03 năm 2016.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		130.009.482.094	98.796.610.274
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		9.331.480.878	16.358.320.290
111	1. Tiền	V.1	9.331.480.878	6.358.320.290
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		78.000.000.000	2.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	78.000.000.000	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.859.284.611	50.218.998.910
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	10.930.964.175	26.793.743.060
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.437.063.765	382.513.204
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	1.547.224.048	23.879.601.950
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.056.870.632)	(837.436.092)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		903.255	576.788
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	29.818.716.605	30.219.291.074
141	1. Hàng tồn kho		30.065.129.670	30.886.391.853
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(246.413.065)	(667.100.779)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		49.663.747.999	72.141.975.060
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		47.000.000	47.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	47.000.000	47.000.000
220	II. Tài sản cố định		32.631.856.573	35.657.974.692
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	28.006.934.290	30.948.704.403
222	- Nguyên giá		99.280.339.297	98.316.105.867
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(71.273.405.007)	(67.367.401.464)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	4.624.922.283	4.709.270.289
228	- Nguyên giá		5.691.216.091	5.691.216.091
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.066.293.808)	(981.945.802)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	15.425.495.156	35.216.050.697
231	- Nguyên giá		30.880.192.830	51.926.706.938
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.454.697.674)	(16.710.656.241)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		322.800.000	322.800.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	322.800.000	322.800.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		90.000.000	90.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2b	90.000.000	90.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.146.596.270	808.149.671
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	521.602.102	-
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.13	624.994.168	808.149.671
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		179.673.230.093	170.938.585.334

12
 040
 3T
 PHÍ
 CP
 2-
 00
 TI



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP HCM

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36.430.727.744	41.176.940.751
310	I. Nợ ngắn hạn		34.640.051.944	40.213.536.951
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	2.829.684.450	4.582.076.848
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	1.083.670.234	1.691.525.864
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	3.768.419.007	5.292.196.327
314	4. Phải trả người lao động	V.17	2.634.342.872	4.066.389.359
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	12.465.273.803	15.922.380.067
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	8.537.680.340	1.852.880.023
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	3.320.981.238	6.806.088.463
330	II. Nợ dài hạn		1.790.675.800	963.403.800
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.18b	1.790.675.800	963.403.800
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.21	143.242.502.349	129.761.644.583
410	I. Vốn chủ sở hữu		143.242.502.349	129.761.644.583
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.500.000.000	55.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		55.500.000.000	55.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.380.542.000	17.380.542.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		39.667.760.271	34.726.527.057
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.694.200.078	22.154.575.526
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		22.154.575.526	20.201.684.410
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.539.624.552	1.952.891.116
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		179.673.230.093	170.938.585.334

Người lập biểu

LÊ THỊ HOÀNG PHI

Phụ trách kế toán

PHẦN THỊ NAM HÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017



TRẦN BÍCH DUNG

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL1	328.271.703.328	130.919.399.257
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VL2	2.315.842.608	3.467.920.691
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		325.955.860.720	127.451.478.566
11	4. Giá vốn hàng bán	VL3	272.878.670.651	74.942.887.192
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.077.190.069	52.508.591.374
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL4	1.647.845.943	10.689.986.200
22	7. Chi phí tài chính	VL5	(3.329.473.894)	4.673.266.353
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		192.793.530	356.762.004
25	8. Chi phí bán hàng	VL6	14.297.132.904	17.737.977.944
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VL7	13.751.798.531	12.336.145.200
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.005.578.471	28.451.188.077
31	11. Thu nhập khác	VL8	496.521.316	693.357.318
32	12. Chi phí khác	VL9	436.136.695	103.544.302
40	13. Lợi nhuận khác		60.384.621	589.813.016
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.065.963.092	29.041.001.093
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	5.176.641.520	7.882.464.886
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VL10	183.155.503	(555.811.276)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.706.166.069	21.714.347.483
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VL11	4.229	2.934
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VL12	4.229	2.934

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

LÊ THỊ HOÀNG PHI

PHAN THỊ NAM HÀ





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		138.959.822.592	125.079.403.680
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(47.201.034.449)	(45.485.659.938)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(23.934.230.651)	(28.698.784.463)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(297.398.275)	(309.292.401)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.882.464.886)	(6.067.335.726)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		231.589.195.485	11.386.847.911
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(222.965.505.904)	(34.661.008.045)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>69.268.383.912</i>	<i>21.244.171.018</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.236.719.817)	(4.029.176.220)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		285.150.000	624.602.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(78.000.000.000)	(6.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	9.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(956.459.294)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		438.585.543	445.708.388
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(77.512.984.274)</i>	<i>(915.324.399)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		26.250.876.878	24.860.879.590
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(18.245.196.538)	(28.725.448.848)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuế tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.787.919.390)	(9.966.968.610)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>1.217.760.950</i>	<i>(13.831.537.868)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		<i>(7.026.839.412)</i>	<i>6.497.308.751</i>
60	<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>		<i>16.358.320.290</i>	<i>9.861.011.539</i>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	V.1	<i>9.331.480.878</i>	<i>16.358.320.290</i>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

P. Tổng Giám đốc

LÊ THỊ HOÀNG PHI

PHAN THỊ NAM HÀ



TRỊNH BÍCH DUNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, gia công sản xuất bao bì dược phẩm;
- Cho thuê mặt bằng;
- Đầu tư, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở;
- Cho thuê văn phòng, cho thuê kho;
- Sản xuất kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Nhà máy sản xuất dược phẩm WHO-GMP địa chỉ tại Khu công nghiệp Cát Lái quận 2, Tp. HCM.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày mang tính so sánh giữa kỳ kế toán.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 276 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 301 nhân viên).



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng (có thời hạn gốc không quá ba tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.



3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác (hoặc thuyết minh theo chế độ tài chính hiện hành như TT 228).

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

128
5NG
NH
DÂN V
27
JANG
7P. H

C.P. H.H.



6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung ở Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.



Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	25 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 10

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.





10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Cơ sở tính và trích lương

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm: dược phẩm, thực phẩm chức năng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản:

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.



Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(ĐVT: VNĐ)**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	132.810.500	23.296.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.198.670.378	6.335.024.090
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	<u>9.331.480.878</u>	<u>16.358.320.290</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng với lãi suất từ 5,3% đến 7%/năm	78.000.000.000	78.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>78.000.000.000</u>	<u>78.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

2.b Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>						
Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (*)	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000
Cộng	<u>90.000.000</u>	<u>-</u>	<u>90.000.000</u>	<u>90.000.000</u>	<u>-</u>	<u>90.000.000</u>

(*) Số lượng cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần dược phẩm 3/2 là 9.000 cổ phần

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được tạm tính theo giá gốc của các khoản đầu tư trừ cho dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư đó. Trong đó dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được tính theo hướng dẫn điều 5 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung điều 5 của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính (do không có giá giao dịch).

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	1.004.757.264	5.021.839.872
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1.004.757.264	5.021.839.872
Phải thu các khách hàng khác	9.926.206.911	21.771.903.188
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 10	3.323.287.181	5.073.305.332
- Nhà thuốc Thanh Phong	676.731.389	578.897.742
- Công ty TNHH Dược phẩm Trung Việt	664.484.809	2.004.603.441
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	583.928.656	343.658.025
- Các đối tượng khác	4.677.774.876	13.771.438.648
Cộng (*)	10.930.964.175	26.793.743.060

(*) Các khoản nợ phải thu luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.19.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	1.437.063.765	382.513.204
- Công ty TNHH Pharmachem	580.125.000	-
- Công ty TNHH Công nghệ Tự động PH	209.665.902	209.665.902
- Các đối tượng khác	647.272.863	172.847.302
Cộng	1.437.063.765	382.513.204

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5.a Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.547.224.048	-	23.879.601.950	-
- Bà Ngô Thị Cẩm Ly (Chuyển nhượng dự án 136LCT)	-	-	23.400.000.000	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.199.644.443	-	-	-
- Tạm ứng	121.498.000	-	90.230.400	-
- Thuế TNCN của CB CNV	161.828.400	-	320.648.902	-
- Các đối tượng khác	64.253.205	-	68.722.648	-
Cộng	1.547.224.048	-	23.879.601.950	-



5.b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	47.000.000	-	47.000.000	-
- Ký quỹ tại Cty Hoi Kỹ nghệ Que hàn (võ bình Gas)	32.000.000	-	32.000.000	-
- Ký quỹ tại Cty Xe khách Sài Gòn	10.000.000	-	10.000.000	-
- Ký quỹ thu gom chất thải tại Cty Môi trường Đô thị	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	47.000.000	-	47.000.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.165.998.799	810.146.148			
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bạc Liêu	Trên 3 năm	360.074.093	360.074.093	Từ 2 đến 3 năm	351.982.530	351.982.530
- Nhà thuốc Quang Hạnh	Trên 3 năm	321.924.839	-	Trên 3 năm	321.924.839	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm ADMK	Trên 3 năm	89.026.023	89.026.023	Từ 1 đến 2 năm	176.526.023	176.526.023
- Công ty TNHH MTV Dược Vật tư Y tế Quảng Ngãi	Trên 3 năm	65.957.783	65.957.783	Trên 3 năm	65.957.783	65.957.783
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm - TIBYT Hưng Thịnh	Trên 3 năm	33.927.812	-	Trên 3 năm	33.927.812	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bạch Yến Long An	Trên 3 năm	25.000.000	25.000.000			
- Nhà thuốc Hải Yến	Trên 3 năm	20.872.875	20.872.875			
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Lan Khuê	Trên 3 năm	13.584.060	13.584.060	Trên 3 năm	20.872.875	20.872.875
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Hàn	Từ 2 đến 3 năm	120.204.000	120.204.000	Từ 1 đến 2 năm	120.204.000	120.204.000
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Cao Mai	Từ 1 đến 2 năm	38.660.764	38.660.764			
	Từ 6 tháng đến 1 năm	76.766.550	76.766.550			
Cộng		1.165.998.799	810.146.148		1.091.395.862	735.543.211



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP HCM

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(837.436.092)	(964.879.844)
Trích lập dự phòng bổ sung	(219.434.540)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	127.443.752
Số cuối năm	<u>(1.056.870.632)</u>	<u>(837.436.092)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	14.515.644.000	(246.413.065)	14.637.746.181	(667.100.779)
Công cụ, dụng cụ	113.932.271	-	71.490.300	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.456.480.846	-	4.267.062.537	-
Thành phẩm	11.979.072.553	-	11.910.092.835	-
Cộng (*)	<u>30.065.129.670</u>	<u>(246.413.065)</u>	<u>30.886.391.853</u>	<u>(667.100.779)</u>

(*) Giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số V.19.



8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	37.737.734.547	50.333.121.025	5.406.648.775	4.838.601.520	98.316.105.867
Tăng trong năm	110.800.840	1.463.791.364	-	246.166.590	1.820.758.794
- Mua trong năm	110.800.840	1.463.791.364	-	246.166.590	-
Giảm trong năm	-	-	(401.526.143)	(454.999.221)	-
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	-	(401.526.143)	(454.999.221)	(856.525.364)
Số cuối năm (*)	37.848.535.387	51.796.912.389	5.005.122.632	4.629.768.889	99.280.339.297
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	16.288.570.479	42.560.153.534	3.793.548.944	4.725.128.507	67.367.401.464
Khấu hao trong năm	1.511.356.068	2.723.061.834	406.913.450	121.197.555	4.762.528.907
Giảm trong năm	-	-	(401.526.143)	(454.999.221)	(856.525.364)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	-	(401.526.143)	(454.999.221)	(856.525.364)
Số cuối năm	17.799.926.547	45.283.215.368	3.798.936.251	4.391.326.841	71.273.405.007
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.449.164.068	7.772.967.491	1.613.099.831	113.473.013	30.948.704.403
Số cuối năm	20.048.608.840	6.513.697.021	1.206.186.381	238.442.048	28.006.934.290

- Trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 40.528.800.452 đồng.

- (*) Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 1.346.292.112 đồng đã được cam kết thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.19).



9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Bản quyền, phần mềm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.589.050.091	1.102.166.000	5.691.216.091
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	4.589.050.091	1.102.166.000	5.691.216.091
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	981.945.802	981.945.802
Khấu hao trong năm	-	84.348.006	84.348.006
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	-	1.066.293.808	1.066.293.808
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.589.050.091	120.220.198	4.709.270.289
Số cuối năm	4.589.050.091	35.872.192	4.624.922.283

- (*) Quyền sử dụng đất không trích khấu hao là quyền sử dụng đất ở nhà máy sản xuất dược phẩm quận 2.

- Trong đó nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.056.176.000 đồng.



10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	24.873.908.424	6.459.825.606	20.592.972.908	51.926.706.938
Tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	(453.541.200)	-	(20.592.972.908)	(21.046.514.108)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	(453.541.200)	-	-	-
Số cuối năm (*)	24.420.367.224	6.459.825.606	-	30.880.192.830
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	10.117.532.185	4.575.012.709	2.018.111.347	16.710.656.241
Khấu hao trong năm	915.839.220	260.395.212	-	1.176.234.432
Giảm trong năm	(414.081.652)	-	(2.018.111.347)	(2.432.192.999)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	(414.081.652)	-	(2.018.111.347)	(2.432.192.999)
Số cuối năm	10.619.289.753	4.835.407.921	-	15.454.697.674
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	14.756.376.239	1.884.812.897	18.574.861.561	35.216.050.697
Số cuối năm	13.801.077.471	1.624.417.685	-	15.425.495.156

- Trong đó nguyên giá bất động sản đầu tư cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 3.989.123.482 đồng.

- (*) Một số bất động sản đầu tư có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 5.026.518.993 đồng đã được cam kết thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.19).

- Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay	Năm trước
Phần mềm (*)	322.800.000	322.800.000
Cộng	322.800.000	322.800.000

(*) Là khoản thanh toán đợt 1 bằng 30% giá trị hợp đồng xây dựng phần mềm Pharmasoft theo Hợp đồng 0815/NADY-ETS ngày 31/08/2015.

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí sửa chữa văn phòng làm việc ở địa chỉ 299/22 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ trong vòng 24 tháng.

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	-	-
Phát sinh trong năm	554.975.987	-
Phân bổ trong năm	(33.373.885)	-
Cộng	521.602.102	-

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các chi phí phải trả	458.088.872	808.149.671
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi không đủ điều kiện	166.905.296	-
Cộng	624.994.168	808.149.671

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	80.718.750	80.718.750
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	-	-	80.718.750	80.718.750
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	2.829.684.450	2.829.684.450	4.501.358.098	4.501.358.098
- Công ty TNHH NEO UNICAP	659.807.940	659.807.940	672.192.000	672.192.000
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nam Long Phát	632.546.236	632.546.236	457.701.357	457.701.357
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hà Vĩnh Phát	345.400.000	345.400.000	323.235.000	323.235.000
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	189.623.500	189.623.500	339.059.600	339.059.600
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bảo Toàn	182.918.636	182.918.636	280.060.503	280.060.503
- Công ty TNHH Hóa dược Châu Qua	151.200.000	151.200.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	668.188.138	668.188.138	2.429.109.638	2.429.109.638
Cộng	2.829.684.450	2.829.684.450	4.582.076.848	4.582.076.848



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP HCM

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	1.083.670.234	1.691.525.864
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dược phẩm Chợ Lớn	-	1.451.614.000
- Công ty Cổ phần Sundial Pharma	811.867.466	-
- Các nhà cung cấp khác	271.802.768	239.911.864
Cộng	1.083.670.234	1.691.525.864

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	554.344.699	-	3.016.030.245	2.972.474.136	597.900.808	-
- Thuế nhập khẩu	-	-	39.936.690	39.936.690	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.682.464.886	-	5.176.641.520	6.882.464.886	2.976.641.520	-
- Thuế thu nhập cá nhân	55.386.742	-	721.531.336	583.041.399	193.876.679	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	186.727.884.401	186.727.884.401	-	-
- Thuế khác	-	-	36.948.200	36.948.200	-	-
Cộng	5.292.196.327	-	195.809.474.209	197.333.251.529	3.768.419.007	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.065.963.092	29.041.001.093
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.325.489.278	7.946.177.459
+ Chi phí trích trước	3.124.970.838	3.673.407.596
+ Chi phí không hợp lý hợp lệ	200.518.440	4.272.769.863
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.499.244.772)	(1.146.992.705)
+ Hoàn nhập chi phí trích trước	(3.673.407.596)	(1.146.992.705)
+ Hoàn nhập tiền phạt dự án 136 Lý Chính Thắng năm 2015	(3.825.837.176)	-
Thu nhập chịu thuế	25.892.207.598	35.840.185.847
Thu nhập được miễn thuế	(9.000.000)	(10.800.000)
Thu nhập tính thuế	25.883.207.598	35.829.385.847
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.176.641.520	7.882.464.886

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

17. Phải trả người lao động

Quý lương của người lao động được trích theo bản đăng ký kế hoạch quý lương năm 2016 số D01/16 CV_NDP ngày 24 tháng 08 năm 2016 được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt.

18. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác**18.a Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	12.465.273.803	15.922.380.067
- Cổ tức phải trả	10.084.205.353	6.882.124.743
- Các khoản chi phí phải trả	2.290.444.359	3.520.697.646
- Kinh phí công đoàn	64.655.916	64.655.916
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.968.175	5.454.901.762
Cộng	12.465.273.803	15.922.380.067

**18.b Phải trả dài hạn khác**

Chủ yếu là các khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.790.675.800	963.403.800
- Công ty TNHH XNK Dược phẩm GB	1.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	790.675.800	963.403.800
Cộng	1.790.675.800	963.403.800

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	8.537.680.340	8.537.680.340	532.000.000	532.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Bến Thành ⁽¹⁾	4.347.447.490	4.347.447.490	-	-
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 ⁽²⁾	4.070.232.850	4.070.232.850	-	-
- Vay đối tượng khác ⁽³⁾	120.000.000	120.000.000	532.000.000	532.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.320.880.023	1.320.880.023
Cộng	8.537.680.340	8.537.680.340	1.852.880.023	1.852.880.023

Chi tiết vay ngắn hạn**1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành**

Hợp đồng cấp tín dụng số 0192/BET.DN/LD16 ký ngày 05/08/2016

- + Hạn mức : 50.000.000.000 đồng;
- + Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung nhu cầu vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Cam kết thế chấp tài sản và đất ở 299/22 Lý Thường Kiệt (Xem T.Minh V.8 và V.10).

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6

Hợp đồng tín dụng số 16.106.0180/2016-HĐTDHM/NHCT922-DUOCPHAM2-9 ký ngày 16/09/2016.

- + Hạn mức : 20.000.000.000 đồng;
- + Lãi suất : Lãi suất tại thời điểm giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại mọi thời điểm (Xem T.Minh V.2 và V.7).

**3. Vay các cá nhân khác**

Là các khoản vay các cá nhân khác theo hình thức tín chấp với lãi suất 6%/ năm và điều chỉnh 6 tháng/lần.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	6.806.088.463	4.818.120.259
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	4.342.869.496
- Trích lập thù lao Hội đồng quản trị	1.235.308.303	1.085.717.374
- Sử dụng trong năm	(4.720.415.528)	(3.440.618.666)
Số dư cuối năm	3.320.981.238	6.806.088.463

21. Vốn chủ sở hữu**21.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

21.b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Cổ đông nhà nước	16.095.000.000	16.095.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	39.405.000.000	39.405.000.000
Cộng	55.500.000.000	55.500.000.000

21.c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.500.000.000	55.500.000.000
+ Vốn góp đầu năm	55.500.000.000	55.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	55.500.000.000	55.500.000.000
- Chia cổ tức năm 2016	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)

**21.d Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.550.000	5.550.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.550.000	5.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.550.000	5.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là <i>Vốn chủ sở hữu</i>)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.550.000	5.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.550.000	5.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

21.e Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	22.154.575.526
Tăng từ kết quả kinh doanh trong kỳ này	24.706.166.069
Giảm trong năm (*)	(16.166.541.517)
Chi tiết gồm:	
- Trích Quỹ quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2016	(4.941.233.214)
- Thù lao và thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(1.235.308.303)
- Chia cổ tức	(9.990.000.000)
Cộng	30.694.200.078

(*) Khoản trích giảm trong năm căn cứ theo Biên bản họp HĐQT ngày 23/01/2017

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà 28 Võ Trường Toản	Cái	1	1
- Máy móc	Cái	3	3

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT : VND)**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	115.976.902.329	124.767.453.667
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.501.500	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	212.194.299.499	6.151.945.590
Cộng	328.271.703.328	130.919.399.257

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	916.458.410	1.989.313.302
- Hàng bán bị trả lại	1.399.384.198	1.478.607.389
Cộng	2.315.842.608	3.467.920.691

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn thành phẩm	66.562.325.803	70.603.369.256
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	60.293.291	-
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	206.678.092.819	4.095.038.174
- Hao hụt mất mát hàng tồn kho	(1.353.548)	(2.540.009)
- Dự phòng/hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(420.687.714)	247.019.771
Cộng	272.878.670.651	74.942.887.192

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.629.229.986	434.908.388
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.000.000	10.800.000
- Chiết khấu thanh toán	7.875.000	-
- Chuyển nhượng vốn dự án 136 LCT	-	10.244.277.812
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.740.957	-
Cộng	1.647.845.943	10.689.986.200

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	192.793.530	356.762.004
- Chiết khấu thanh toán	55.539.512	47.716.737
- Chi phí chuyển nhượng dự án 136 LCT (*)	(3.577.819.368)	4.268.787.612
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.432	-
Cộng	(3.329.473.894)	4.673.266.353

(*) Giảm chi phí do hoàn nhập khoản tiền phạt chậm tiền độ dự án xây dựng cao ốc tại 136 Lý Chính Thắng đã hạch toán nay nhận được quyết định không phải nộp phạt theo CV số 948/CT-KTĐ ngày 29/01/16.

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	6.437.608.139	5.961.127.959
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	445.225.717	250.735.071
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	300.910.668	302.993.742
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.505.459	542.648.995
- Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	3.893.702.746	7.506.351.915
- Chi phí tiêu thụ, bảo quản hàng hóa	2.258.478.253	1.659.229.864
- Các chi phí khác	721.701.922	1.514.890.398
Cộng	14.297.132.904	17.737.977.944

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	7.279.221.669	7.386.993.734
- Chi phí vật liệu quản lý	623.279.205	291.043.385
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	999.739.541	985.793.173
- Thuế, phí và lệ phí	132.111.760	72.570.950
- Lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	219.434.540	(127.443.752)
- Các khoản chi phí khác	4.498.011.816	3.727.187.710
Cộng	<u>13.751.798.531</u>	<u>12.336.145.200</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	285.150.000	624.602.727
- Bán vật tư thu hồi	5.429.546	11.208.182
- Bán nguyên vật liệu	171.384.745	30.126.891
- Các khoản khác	34.557.025	27.419.518
Cộng	<u>496.521.316</u>	<u>693.357.318</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Bán nguyên vật liệu	388.575.398	93.468.415
- Các khoản khác	47.561.297	10.075.887
Cộng	<u>436.136.695</u>	<u>103.544.302</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	183.155.503	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(555.811.276)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Cộng	<u>183.155.503</u>	<u>(555.811.276)</u>



11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.706.166.069	21.714.347.483
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.342.869.496)
- Thù lao Hội đồng quản trị ^(*)	(1.235.308.303)	(1.085.717.374)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.470.857.766	16.285.760.613
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	5.550.000	5.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	4.229	2.934

^(*) Đây là khoản tạm trích Quỹ khen thưởng, thù lao hội đồng quản trị theo tỷ lệ trích của năm 2015 tương đương 5% của lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.470.857.766	16.285.760.613
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.470.857.766	16.285.760.613
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	5.550.000	5.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	4.229	2.934

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.456.703.103	44.639.577.371
- Chi phí nhân công	28.488.450.499	29.300.076.786
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.398.606.405	6.497.395.019
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.664.340.061	6.984.768.746
- Chi phí khác	12.391.612.425	15.565.897.989
Cộng	101.399.712.493	102.987.715.911

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	26.250.876.878	24.860.879.590
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	26.250.876.878	24.860.879.590

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	18.245.196.538	28.725.448.848
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>18.245.196.538</u>	<u>28.725.448.848</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt()*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương	2.051.915.777	2.226.541.527
Thưởng	616.982.000	514.400.000
Cổ tức	636.414.900	780.772.200
Cộng	<u>3.305.312.677</u>	<u>3.521.713.727</u>

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

3.b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông lớn (Công ty chiếm 29% vốn điều lệ công ty)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ G.B Sài Gòn	Cổ đông lớn (Công ty chiếm 10,02% vốn điều lệ công ty)
- Ông Ngô Nam Thắng	Cổ đông lớn (Cá nhân chiếm 11,44% vốn điều lệ công ty)

312
BT
WH
VÀ
IV
KQ

04 / T
H
M

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn		
- Công ty bán hàng hóa	6.986.818.682	14.169.932.075
- Công ty mua hàng hóa	1.999.762.857	6.298.996.156
- Cổ tức đã chi trả	1.931.400.000	2.897.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ G.B Sài Gòn		
- Công ty cho thuê bất động sản	2.918.839.200	2.844.682.200
- Cổ tức đã chi trả	667.149.600	1.000.724.400
Ông Ngô Nam Thắng		
- Cổ tức đã chi trả	350.697.600	-

Số dư với các bên liên quan khác

Là số dư giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn		
- Số dư phải thu	1.004.757.264	5.021.839.872
- Số dư phải trả cổ tức cuối năm	2.897.100.000	1.931.400.000

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh dược phẩm.
- Kinh doanh bất động sản.

Năm nay	Kinh doanh dược phẩm	Kinh doanh bất động sản	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.761.561.221	212.194.299.499	325.955.860.720
Giá vốn hàng bán	(66.200.577.832)	(206.678.092.819)	(272.878.670.651)
Lợi nhuận gộp	47.560.983.389	5.516.206.680	53.077.190.069
Năm trước	Kinh doanh dược phẩm	Kinh doanh bất động sản	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.299.532.976	6.151.945.590	127.451.478.566
Giá vốn hàng bán	(70.847.849.018)	(4.095.038.174)	(74.942.887.192)
Lợi nhuận gộp	50.451.683.958	2.056.907.416	52.508.591.374



Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chủ yếu là trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản cam kết thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã cam kết thế chấp tài sản là:

- Bất động sản tại số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Nợ phải thu luân chuyển;
- Hàng tồn kho luân chuyển.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán số 08/ĐKCB do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 02 năm 2017.

- Thời gian Công ty cho đăng ký đặt mua trái phiếu: từ ngày 24/03/2017 đến ngày 21/04/2017;
- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi, không đảm bảo bằng tài sản;
- Lãi suất: lãi suất cố định 3%/năm, lãi được trả 1 năm/lần kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- Mệnh giá: 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng);
- Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán: 555.000 trái phiếu (Năm trăm năm mươi ngàn năm trăm trái phiếu, tương đương với 55.500.000.000 đồng. Toàn bộ trái phiếu này sẽ phát hành cho cổ đông hiện hữu;
- Giá chào bán dự kiến: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Thời gian đáo hạn: 2 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;
- Chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu: tại thời điểm đáo hạn trái phiếu, trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ của Công ty và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận.

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

P. Tổng Giám đốc



LÊ THỊ HOÀNG PHI

PHAN THỊ NAM HÀ

TRỊNH BÍCH DUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP HCM

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	55.500.000.000	17.380.542.000	30.383.657.560	20.211.607.662	123.475.807.222
2. Tăng trong năm trước	-	-	4.342.869.497	21.714.347.483	26.057.216.980
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	21.714.347.483	21.714.347.483
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	4.342.869.497	-	4.342.869.497
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(19.771.379.619)	(19.771.379.619)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(4.342.869.497)	(4.342.869.497)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.342.869.496)	(4.342.869.496)
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(1.085.717.374)	(1.085.717.374)
- Chia cổ tức	-	-	-	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	(9.923.252)	(9.923.252)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	55.500.000.000	17.380.542.000	34.726.527.057	22.154.575.526	129.761.644.583
5. Tăng trong kỳ này	-	-	4.941.233.214	24.706.166.069	29.647.399.283
- Lãi trong kỳ	-	-	-	24.706.166.069	24.706.166.069
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	4.941.233.214	-	4.941.233.214
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	(16.166.541.517)	(16.166.541.517)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(4.941.233.214)	(4.941.233.214)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(1.235.308.303)	(1.235.308.303)
- Chia cổ tức	-	-	-	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
7. Số dư cuối kỳ này	55.500.000.000	17.380.542.000	39.667.760.271	30.694.200.078	143.242.502.349

Người lập biểu

LÊ THỊ HOÀNG PHI

Phụ trách kế toán

PHAN THỊ NAM HÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

P. Tổng Giám đốc



TRỊNH BÍCH DUNG



 CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Nam Cường